**120 câu hỏi đáp, tình huống pháp luật về các quyền dân sự, chính trị**

**năm 2022**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

*18 tình huống pháp luật về phòng, chống ma túy*

**1.** **Viện X là tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ có nhu cầu nghiên cứu các chất ma túy, tiền chất phục vụ y học và sức khỏe cộng đồng. Vậy, để được cho phép nghiên cứu chất ma túy, tiền chất, Viện X cần chuẩn bị hồ sơ và thực hiện theo trình tự, thủ tục nào?**

Theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, để được cho phép nghiên cứu chất ma túy, tiền chất, Viện X chuẩn bị hồ sơ và thực hiện theo trình tự, thủ tục cho phép nghiên cứu chất ma túy, tiền chất cụ thể như sau:

(i) Trình tự, thủ tục cho phép nghiên cứu chất ma túy, tiền chất

- Tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là cơ quan nghiên cứu) khi có nhu cầu nghiên cứu các chất ma túy, tiền chất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 105/2021/NĐ-CP chuẩn bị hồ sơ đề nghị cho phép theo quy định, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ Công an hoặc gửi bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công an trên cổng thông tin một cửa quốc gia;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp phép tiến hành thẩm định và thông báo cho phép bằng văn bản.

Trường hợp có yêu cầu chỉnh lý, bổ sung tài liệu, trong thời hạn chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp phép có phiếu thông báo về việc chỉnh lý, bổ sung tài liệu, trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần chỉnh lý, bổ sung và thời gian hoàn thành. Việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đã hoàn thành việc chỉnh lý, bổ sung.

Trường hợp hết thời hạn yêu cầu chỉnh lý, bổ sung hồ sơ hoặc thông tin không thống nhất giữa văn bản đề nghị và tài liệu chứng minh tại các văn bản, tài liệu có trong hồ sơ, cơ quan cấp phép không tiến hành giải quyết.

(ii) Hồ sơ đề nghị cho phép nghiên cứu chất ma túy, tiền chất bao gồm:

- Văn bản đề nghị cho phép nghiên cứu của cơ quan nghiên cứu. Nội dung văn bản đề nghị nêu rõ thông tin về tên, địa chỉ cơ quan nghiên cứu; danh sách, vai trò của những người tham gia nghiên cứu; mục đích nghiên cứu; tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức cung cấp chất ma túy, tiền chất và tên gọi, mã CAS và mã HS, số lượng, hàm lượng chất ma túy, tiền chất đề nghị cho phép nghiên cứu; thời gian nghiên cứu; thời gian, hành trình, phương tiện vận chuyển từ địa điểm cung cấp đến địa điểm bảo quản, nghiên cứu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ của cơ quan nghiên cứu;

- Bản sao Kế hoạch nghiên cứu được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Tài liệu chứng minh tính hợp pháp của chất đề nghị cho phép nghiên cứu; kế hoạch, biện pháp đảm bảo an toàn và điều kiện bảo quản chất ma túy, tiền chất đề nghị cho phép nghiên cứu; kế hoạch, biện pháp xử lý tồn dư chất ma túy, tiền chất trong quá trình nghiên cứu.

**2. Theo quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy, những hành vi nào bị nghiêm cấm?**

Theo quy định tại Điều 5 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021, các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:

(i) Trồng cây có chứa chất ma túy, hướng dẫn trồng cây có chứa chất ma túy.

(ii) Nghiên cứu, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, bảo quản, tồn trữ, mua bán, phân phối, xử lý, trao đổi, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh trái phép chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

(iii) Chiếm đoạt chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

(iv) Giao nhận, quản lý, kiểm soát, lưu giữ, cấp phát, bảo quản chất ma túy, tiền chất trái quy định của pháp luật; cho phép người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần tới quy định của pháp luật.

(v) Sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy; chứa chấp, hỗ trợ việc sử dụng trái phép chất ma túy.

(vi) Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy.

(vii) Chống lại hoặc cản trở việc xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, xác định tình trạng nghiện ma túy, quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy.

(viii) Trả thù hoặc cản trở người thực thi nhiệm vụ phòng, chống ma túy, người tham gia phòng, chống ma túy.

(ix) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp để vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

(x) Hướng dẫn sản xuất, hướng dẫn sử dụng trái phép chất ma túy; quảng cáo, tiếp thị chất ma túy.

(xi) Kỳ thị người sử dụng trái phép chất ma túy, người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy.

(xii) Các hành vi bị nghiêm cấm khác do luật định liên quan đến ma túy.

**3. Cơ sở sản xuất Y (đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y theo quy định của pháp luật về thú y hiện hành) có nhu cầu sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất. Vậy, để được cấp phép sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất, cơ sở sản xuất Y cần chuẩn bị hồ sơ và thực hiện theo trình tự, thủ tục nào?**

Theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, cơ quan Y thực hiện theo trình tự, thủ tục cho phép sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất như sau:

(i) Cơ quan, tổ chức khi tiến hành các hoạt động sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc gửi bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cổng thông tin một cửa quốc gia;

(ii) Trình tự, thủ tục, hồ sơ, điều kiện, tiêu chuẩn đối với cơ quan, tổ chức và người liên quan đến việc sản xuất, đăng ký lưu hành thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất thực hiện theo quy định của pháp luật về thú y đối với quản lý thuốc thú y và quy định tại Nghị định số 105/2021/NĐ-CP;

(iii) Đối với cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y theo quy định của pháp luật về thú y hiện hành, khi có nhu cầu sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất cùng trên dây chuyền sản xuất thuốc thú y đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thì gửi hồ sơ đề nghị, gồm: văn bản đề nghị của tổ chức có hoạt động sản xuất kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y đã được cấp và tài liệu chứng minh quy trình sản xuất, các nguyên liệu làm thuốc thú y là chất gây nghiện, chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thú y.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cơ quan cấp phép tiến hành tiếp nhận, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đối với dây chuyền sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; trường hợp không đủ điều kiện cho phép sản xuất, cơ quan cấp phép trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất.

**4. Pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của cá nhân, gia đình trong phòng, chống ma túy?**

Điều 6 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về trách nhiệm của cá nhân, gia đình trong phòng, chống ma túy như sau:

(i) Tuyên truyền, giáo dục thành viên trong gia đình, người thân về tác hại của ma túy và thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy; quản lý, ngăn chặn thành viên trong gia đình vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

(ii) Thực hiện đúng chỉ định của người có thẩm quyền về sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

(iii) Hợp tác với cơ quan chức năng trong đấu tranh với tội phạm và tệ nạn ma túy; tham gia hỗ trợ hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; theo dõi, giúp đỡ người sau cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện ma túy.

(iv) Cung cấp kịp thời thông tin về tội phạm, tệ nạn ma túy và việc trồng cây có chứa chất ma túy cho cơ quan công an hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tham gia xóa bỏ cây có chứa chất ma túy do chính quyền địa phương tổ chức.

**5. Công ty vận tải A có nhu cầu vận chuyển chất ma túy. Xin hỏi, pháp luật quy định như thế nào về hồ sơ và trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển chất ma túy?**

Điều 17 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy quy định cụ thể về trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển chất ma túy và hồ sơ đề nghị cấp giấy phép vận chuyển chất ma túy như sau:

(i) Trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển chất ma túy

- Cơ quan, tổ chức khi có nhu cầu vận chuyển chất ma túy (sau đây gọi là tổ chức cần vận chuyển) chuẩn bị hồ sơ đề nghị theo quy định gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ Công an hoặc gửi bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công an trên cổng thông tin một cửa quốc gia;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp phép tiến hành thẩm định và cấp giấy phép vận chuyển cho tổ chức cần vận chuyển;

- Trường hợp có yêu cầu chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, trong thời hạn chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp phép có phiếu thông báo về việc chỉnh lý, bổ sung, trong đó nêu rõ tài liệu, nội dung cần chỉnh lý, bổ sung và thời gian hoàn thành. Việc tiếp nhận, thẩm định và cấp giấy phép vận chuyển được thực hiện trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đã hoàn thành việc chỉnh lý, bổ sung.

(ii) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép vận chuyển chất ma túy bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép vận chuyển chất ma túy có các nội dung sau: tên, địa chỉ tổ chức giao và tổ chức nhận chất ma túy; mục đích vận chuyển; tên gọi, mã CAS và mã HS, số lượng, hàm lượng chất ma túy; thời gian, hành trình, phương tiện vận chuyển;

- Bản sao hợp đồng vận chuyển giữa tổ chức cần vận chuyển với tổ chức thực hiện vận chuyển hợp pháp;

- Bản sao giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập chất ma túy (trường hợp vận chuyển từ kho lưu trữ, bảo quản đến cửa khẩu hoặc ngược lại để thực hiện thủ tục hải quan).

(iii) Giấy phép vận chuyển được cấp cho từng lần vận chuyển và có giá trị trong thời hạn ghi trên giấy phép nhưng không quá 06 tháng. Nội dung giấy phép ghi rõ thông tin tên, địa chỉ tổ chức giao và tổ chức nhận chất ma túy; mục đích vận chuyển; tên gọi, mã CAS và mã HS, số lượng, hàm lượng chất ma túy; thời gian, hành trình, phương tiện vận chuyển. Giấy phép được gửi cho tổ chức cần vận chuyển, tổ chức thực hiện vận chuyển và lực lượng Hải quan, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Công an tỉnh, thành phố theo hành trình vận chuyển được ghi trên giấy phép.

 **6. Pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong phòng, chống ma túy?**

Điều 7 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong phòng, chống ma túy như sau:

(i) Tổ chức phòng, chống ma túy trong cơ quan, đơn vị; phòng ngừa, ngăn chặn cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc quyền quản lý và cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang nhân dân vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy; tuyên truyền, vận động Nhân dân phát hiện, tố giác, đấu tranh với tội phạm và tệ nạn ma túy.

(ii) Tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước về quy hoạch, phát triển kinh tế - xã hội để thay thế việc trồng cây có chứa chất ma túy tại các vùng xóa bỏ cây có chứa chất ma túy.

**7.** **Pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong phòng, chống ma túy?**

Điều 8 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong phòng, chống ma túy như sau:

(i) Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục về phòng, chống ma túy; phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy cho học sinh, sinh viên, học viên; quản lý chặt chẽ, ngăn chặn học sinh, sinh viên, học viên vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

(ii) Phối hợp với gia đình, cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương để quản lý, giáo dục học sinh, sinh viên, học viên về phòng, chống ma túy.

(iii) Phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tổ chức xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể khi cần thiết để phát hiện học sinh, sinh viên, học viên sử dụng trái phép chất ma túy.

**8.** **Pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của cơ quan báo chí trong phòng, chống ma túy?**

Điều 9 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về trách nhiệm của cơ quan báo chí trong phòng, chống ma túy như sau:

Cơ quan báo chí có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống ma túy.

**9.** **Pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và tổ chức khác trong phòng, chống ma túy?**

Điều 10 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và tổ chức khác trong phòng, chống ma túy như sau:

(i) Tổ chức và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về phòng, chống ma túy trong Nhân dân; vận động Nhân dân tham gia phòng, chống ma túy và thực hiện các phong trào phòng, chống ma túy.

(ii) Phòng ngừa, ngăn chặn người của tổ chức mình và mọi công dân vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

(iii) Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp, cơ quan có thẩm quyền vận động người nghiện ma túy thực hiện biện pháp cai nghiện ma túy, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; tham gia cảm hóa, giáo dục, dạy nghề, tìm việc làm và giúp đỡ người sau cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện ma túy.

**10.** **Pháp luật quy định như thế nào về cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy?**

Điều 11 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy như sau:

(i) Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy bao gồm:

a) Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân;

b) Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam và Hải quan.

(ii) Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện các hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh chống tội phạm về ma túy.

(iii) Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam, Hải quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với cơ quan công an, cơ quan, tổ chức khác có liên quan thực hiện các hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh chống tội phạm về ma túy tại khu vực hoặc địa bàn quản lý, kiểm soát.

(iv) Trên cùng một địa bàn khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của nhiều cơ quan thì cơ quan phát hiện trước có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền do pháp luật quy định; trường hợp vụ việc không thuộc thẩm quyền của mình thì chuyển giao hồ sơ, người, tang vật vi phạm pháp luật cho cơ quan có thẩm quyền chủ trì giải quyết.

(v) Chính phủ quy định việc phối hợp của các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy.

**11. Pháp luật quy định như thế nào về các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy?**

Điều 12 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy như sau:

(i) Hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy là hoạt động được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép, bao gồm:

- Nghiên cứu, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, sản xuất chất ma túy (không bao gồm trồng cây có chứa chất ma túy), tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất;

- Vận chuyển, bảo quản, tồn trữ, mua bán, phân phối, sử dụng, xử lý, trao đổi chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất;

- Nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

(ii) Hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy nêu tại mục (i) được kiểm soát chặt chẽ theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 và quy định khác của pháp luật có liên quan.

**12. Pháp luật quy định như thế nào về kiểm soát hoạt động nghiên cứu, giám định, sản xuất chất ma túy, tiền chất?**

Điều 13 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về kiểm soát hoạt động nghiên cứu, giám định, sản xuất chất ma túy, tiền chất như sau:

(i) Hoạt động nghiên cứu, giám định, sản xuất chất ma túy (không bao gồm trồng cây có chứa chất ma túy), tiền chất phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo dõi, kiểm tra, giám sát.

(ii) Chính phủ quy định cơ quan có thẩm quyền cho phép, trình tự, thủ tục cho phép, việc theo dõi, kiểm tra, giám sát quy định tại mục (i) nêu trên.

**13.** **Pháp luật quy định như thế nào về kiểm soát hoạt động vận chuyển chất ma túy, tiền chất?**

Điều 14 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về kiểm soát hoạt động vận chuyển chất ma túy, tiền chất như sau: Cơ quan, tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thì được vận chuyển chất ma túy, tiền chất; khi thực hiện việc vận chuyển phải đóng gói, niêm phong theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng, có biện pháp bảo vệ an toàn, không để bị thất thoát trong quá trình vận chuyển và chịu sự theo dõi, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**14.** **Pháp luật quy định như thế nào về kiểm soát hoạt động liên quan đến thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc?**

Điều 15 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về kiểm soát hoạt động liên quan đến thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc như sau: Việc kiểm soát hoạt động liên quan đến thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thực hiện theo quy định của pháp luật về dược, trừ hoạt động quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 17 của Luật Phòng, chống ma túy năm 2021, cụ thể là: (i) Tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc; (ii) Hoạt động quá cảnh lãnh thổ Việt Nam chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc phải theo đúng hành trình đã ghi trong giấy phép quá cảnh. Cơ quan, tổ chức thực hiện việc quá cảnh phải làm thủ tục, chịu sự kiểm soát của cơ quan Hải quan và cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

**15.** **Pháp luật quy định như thế nào về kiểm soát hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc?**

Điều 17 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về kiểm soát hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc như sau:

(i) Các hoạt động sau đây phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép:

- Nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập chất ma túy, tiền chất;

- Tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc.

(ii) Hoạt động quá cảnh lãnh thổ Việt Nam chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc phải theo đúng hành trình đã ghi trong giấy phép quá cảnh. Cơ quan, tổ chức thực hiện việc quá cảnh phải làm thủ tục, chịu sự kiểm soát của cơ quan Hải quan và cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

**16.** **Pháp luật quy định như thế nào về kiểm soát hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy vì mục đích quốc phòng, an ninh?**

Điều 19 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về kiểm soát hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy vì mục đích quốc phòng, an ninh như sau:

Hoạt động nghiên cứu, giám định, sản xuất, vận chuyển, tồn trữ, bảo quản, sử dụng, nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất vì mục đích quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Chính phủ.

**17. Pháp luật quy định như thế nào về** **kiểm soát thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất vì mục đích sơ cứu, cấp cứu trong cuộc hành trình, du lịch quốc tế, điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh?**

Điều 20 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về kiểm soát thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất vì mục đích sơ cứu, cấp cứu trong cuộc hành trình, du lịch quốc tế, điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh như sau:

(i) Việc mang theo thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất dự phòng cho việc sơ cứu, cấp cứu trên tàu thủy, tàu bay, tàu hỏa, ô tô hoặc các phương tiện vận tải khác trong cuộc hành trình, du lịch quốc tế không bị coi là mang hàng xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.

Người chỉ huy, người điều khiển phương tiện vận tải có trách nhiệm khai báo với cơ quan Hải quan của Việt Nam, giải trình về số lượng thuốc đã sử dụng, áp dụng các biện pháp an toàn thích hợp để ngăn chặn việc sử dụng không đúng mục đích hoặc vận chuyển trái phép các thuốc đó và chịu sự kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

(ii) Việc mang theo thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh, xuất cảnh hoặc quá cảnh lãnh thổ Việt Nam thực hiện theo quy định của Chính phủ và chịu sự kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

**18. Pháp luật quy định như thế nào về** **xử lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất thu giữ trong vụ việc vi phạm pháp luật?**

Điều 21 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 quy định về xử lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất thu giữ trong vụ việc vi phạm pháp luật như sau:

Chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất bị thu giữ trong các vụ án hình sự, vụ việc vi phạm hành chính được xử lý theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*28 câu hỏi đáp, tình huống pháp luật về quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; cai nghiện ma túy; quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy. Văn bản sử dụng: Luật phòng, chống ma túy năm 2021.*

**1. Việc xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể người khác được thực hiện trong những trường hợp nào?**

Trả lời: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Luật Phòng, chống ma tuý 2021 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022), việc xét nghiệm chất ma tuý trong cơ thể được thực hiện đối với người thuộc trường hợp sau đây:

- Người bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

- Người mà cơ quan, người có thẩm quyền có căn cứ cho rằng có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

- Người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý;

- Người đang trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; đang cai nghiện ma túy; đang điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy.

**2. Thời hạn và nội dung quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy được quy định như thế nào?**

Điều 23 Luật phòng chống ma túy 2021 quy định về quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy. Theo đó, quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là biện pháp phòng ngừa nhằm giúp người sử dụng trái phép chất ma túy không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy, phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật của họ.

Thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là 01 năm kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định quản lý.

Về nội dung quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy bao gồm:

- Tư vấn, động viên, giáo dục, giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy để họ không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy;

- Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể;

- Ngăn chặn người sử dụng trái phép chất ma túy có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội.

Ngoài ra, Điều 44 Nghị định 105/2021/NĐ-CP hướng dẫn về nội dung quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy quy định như sau:

- Xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể của người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý;

- Tư vấn về tâm lý, thay đổi thái độ của người sử dụng trái phép chất ma túy để họ có thái độ tích cực, chủ động tránh xa ma túy;

- Giáo dục về pháp luật phòng, chống ma túy, tác hại của ma túy, các nội dung khác tùy theo đặc điểm nhân thân;

- Động viên, giúp đỡ để người sử dụng trái phép chất ma túy tham gia các hoạt động cộng đồng, hoạt động tự quản, hoạt động thể dục, thể thao, các phong trào giúp ích cho xã hội để nâng cao sức khỏe, kỹ năng sống, phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật.

Đối với người sử dụng trái phép chất ma túy dưới 18 tuổi thì phải đảm bảo việc học văn hóa và những người được phân công tư vấn, động viên, giáo dục, giúp đỡ phải có sự tham gia của giáo viên nơi người đó đang học hoặc đội thiếu niên tiền phong, đoàn thanh niên.

**3. Gia đình anh H có con trai đang phải áp dụng biện pháp quản lý vì sử dụng trái pháp chất ma túy theo quyết định của Chủ tịch ủy ban nhân dân phường nơi cư trú. Anh H cho biết, cháu đã áp dụng biện pháp được gần một năm nay, anh H muốn hỏi trong những trường hợp nào thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ra quyết định dừng quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy?**

Khoản 5 Điều 23 Luật phòng chống ma túy 2021 quy định:

Trong thời hạn quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định dừng quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy trong các trường hợp sau đây:

- Người sử dụng trái phép chất ma túy được xác định là người nghiện ma túy;

- Người sử dụng trái phép chất ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

- Người sử dụng trái phép chất ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng;

- Người sử dụng trái phép chất ma túy phải thi hành án phạt tù;

- Người sử dụng trái phép chất ma túy trong danh sách quản lý chết, bị Tòa án tuyên bố là mất tích.

**4. Pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của gia đình trong quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy?**

Tại Khoản 1 Điều 25 Luật Phòng, chống ma tuý 2021 quy định gia đình người sử dụng trái phép chất ma túy có trách nhiệm sau đây:

- Quản lý, giáo dục người sử dụng trái phép chất ma túy; ngăn chặn hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

- Cung cấp thông tin về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của người sử dụng trái phép chất ma túy cho công an cấp xã nơi người đó cư trú;

- Ngăn chặn người sử dụng trái phép chất ma túy có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội;

- Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền đưa người sử dụng trái phép chất ma túy đi xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể.

**5. Pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng trong quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy?**

Tại Khoản 2 Điều 25 Luật Phòng, chống ma tuý 2021 quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cộng đồng trong quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy như sau:

- Cơ quan, tổ chức nơi người sử dụng trái phép chất ma túy làm việc, cộng đồng nơi người sử dụng trái phép chất ma túy sinh sống có trách nhiệm sau đây:

- Động viên, giúp đỡ, giáo dục người sử dụng, trái phép chất ma túy; ngăn chặn hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

- Phối hợp với gia đình, cơ quan có thẩm quyền đưa người sử dụng trái phép chất ma túy đi xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể.

**6.** **Việc xác định tình trạng nghiện ma túy của một người được thực hiện trong những trường hợp nào?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Phòng, chống ma tuý 2021, việc xác định tình trạng nghiện ma túy được thực hiện đối với người thuộc trường hợp sau đây:

- Người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời gian quản lý bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

- Người sử dụng trái phép chất ma túy không có nơi cư trú ổn định;

- Người đang trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy hoặc trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy mà bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

- Người đang trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

- Người tự nguyện xác định tình trạng nghiện ma túy.

**7. Anh A bị cơ quan chức năng đề nghị phải xác định tình trạng nghiện ma túy. Vậy, trong trường hợp này anh A có quyền và trách nhiệm gì theo quy định của pháp luật?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Phòng, chống ma tuý 2021, người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy có quyền và trách nhiệm sau đây:

- Được bảo đảm danh dự, nhân phẩm; hỗ trợ đi lại, ăn ở, điều trị hội chứng cai và các bệnh kèm theo trong thời gian xác định tình trạng nghiện ma túy;

- Chấp hành nội quy, quy chế của cơ sở xác định tình trạng nghiện ma túy; khai báo trung thực với nhân viên y tế về tiền sử sử dụng ma túy, các biểu hiện của việc sử dụng ma túy;

- Người từ đủ 18 tuổi trở lên hoặc cha, mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp của người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều này khi nhận được kết quả xác định là nghiện ma túy có trách nhiệm đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện theo quy định tại Điều 28 của Luật này hoặc đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trong trường hợp nghiện các chất dạng thuốc phiện với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Như vậy, anh A được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy, thì anh A sẽ có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật nêu trên.

**8. Việc cai nghiện ma tuý tự nguyện tại cộng đồng được hiểu như thế nào? Thời hạn cai nghiện quy định trong bao lâu?**

Theo quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 30 Luật Phòng, chống ma tuý 2021, thì cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng là việc người nghiện ma túy thực hiện cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng với sự hỗ trợ chuyên môn của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy, sự phối hợp, trợ giúp của gia đình, cộng đồng và chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Thời hạn cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng là từ đủ 06 tháng đến 12 tháng.

**9. Tôi được biết, người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng được hỗ trợ kinh phí trong một số trường hợp theo quy định. Vậy, người nào có thẩm quyền để bố trí kinh phí hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng?**

Theo quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 30 Luật Phòng, chống ma tuý 2021, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm sau đây:

- Giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền trên địa bàn cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

- Tiếp nhận đăng ký và công bố danh sách tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

- Thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã danh sách tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

- Bố trí kinh phí hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

Như vậy, người có thẩm quyền để bố trí kinh phí hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**10. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm như thế nào?**

Khoản 3 Điều 31 Luật Phòng, chống ma tuý 2021 quy định, người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về cai nghiện ma túy tự nguyện và tuân thủ hướng dẫn của cơ quan chuyên môn;

- Nộp chi phí liên quan đến cai nghiện ma túy theo quy định.

**11. Gia đình chị H có người sắp đi cai nghiện tự nguyện. Nhưng do hoàn cảnh gia đình chị H khó khăn nên còn đắn đo về chi phí cai nghiện. Xin hỏi, Nhà nước có hỗ trợ gì cho đối tượng có hoàn cảnh khó khăn khi thực hiện việc cai nghiện tự nguyện hay không?**

Căn cứ Khoản 3 [Điều 31 Luật Phòng, chống ma túy 2021](https://lawnet.vn/vb/luat-phong-chong-ma-tuy-2021-6CB01.html) quy định người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về cai nghiện ma túy tự nguyện và tuân thủ hướng dẫn của cơ quan chuyên môn;

- Nộp chi phí liên quan đến cai nghiện ma túy theo quy định.

Trường hợp người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập mà có hoàn cảnh khó khăn được xét giảm hoặc miễn chi phí phải nộp.

Như vậy, người có hoàn cảnh khó khăn khi đi cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập sẽ được xem xét giảm hoặc miễn chi phí phải nộp.

**12. Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính khi thuộc một trong các trường hợp nào?**

Điều 32 Luật Phòng, chống ma tuý 2021 quy định, người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện;

- Trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

- Người nghiện ma túy các chất dạng thuốc phiện không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế hoặc bị chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do vi phạm quy định về điều trị nghiện;

- Trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy mà tái nghiện.

**13. Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc khi thuộc một trong các trường hợp nào?**

Việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do Tòa án nhân dân cấp huyện quyết định và không phải là biện pháp xử lý hành chính.

Khoản 1 Điều 32 Luật Phòng, chống ma tuý 2021 quy định, người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện;

- Trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

- Người nghiện ma túy các chất dạng thuốc phiện không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế hoặc bị chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do vi phạm quy định về điều trị nghiện.

**14. Con trai chị H được cơ quan chức năng xác định là nghiện ma túy. Do cháu mới 14 tuổi nên chị H đã đã đăng ký cho cháu cai nghiện tự nguyện tại nhà. Tuy nhiên, trong thời gian cai nghiện tự nguyện, do chị H bận mải công tác, không ai giám sát nên cháu đã sử dụng lại ma túy. Xin hỏi, trong trường hợp này con chị H có bị bắt buộc đưa vào cơ sở cai nghiện không?**

Theo quy định tại [khoản 1 Điều 33 của Luật Phòng, chống ma túy 2021](https://thuvienphapluat.vn/documents/law.aspx?id=E=RRMU1UZzTk&mode=09dsbGRWOHpNdzWk) thì người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện;

- Trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy;

- Người nghiện ma túy các chất dạng thuốc phiện không đăng ký, không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế hoặc bị chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế do vi phạm quy định về điều trị nghiện.

Như vậy, khi người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi có kết quả xác định là nghiện ma túy của cơ quan có thẩm quyền nhưng trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy thì sẽ bị cơ quan có thẩm quyền quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

**15. Con trai anh H bị đưa đi cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc. Anh H muốn hỏi, chế độ ăn ở của người cai nghiện tại cơ sở cai nghiện bắt buộc được quy định như thế nào?**

Tại [Điều 65 Nghị định 116/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/documents/law.aspx?id=Q=RneU16STTk&mode=09dsbGRWODJOUTWk) quy định về chế độ ăn, mặc và đồ dùng sinh hoạt cá nhân đối với người cai nghiện bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc như sau:

- Định mức tiền ăn hàng tháng của người cai nghiện bằng 0,8 mức lương cơ sở hiện hành. Ngày lễ, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn thêm không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được ăn thêm không quá 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

- Định mức tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với người cai nghiện nữ hàng năm của người cai nghiện bằng 0,9 mức lương cơ sở hiện hành.

- Các định mức quy định ở trên là mức tối thiểu, căn cứ điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh định mức cho phù hợp.

**16. Anh T, chồng chị K vừa mới bị bắt đi cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc. Anh T có tiền sử bệnh dạ dày, xin hỏi nếu anh T bị đau tái phát thì có được đưa về nhà để điều trị không?**

Theo [Điều 67 Nghị định 116/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/documents/law.aspx?id=Q=RneU16STTk&mode=09dsbGRWODJOdzWk) quy định về chế độ khám chữa bệnh đối với người cai nghiện bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc cụ thể như sau:

- Cơ sở cai nghiện bắt buộc phải định kỳ sáu tháng một lần tổ chức kiểm tra, khám sức khỏe cho người cai nghiện và thường xuyên có biện pháp đề phòng dịch bệnh; phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm cho người cai nghiện.

- Người cai nghiện bị ốm được điều trị tại phòng y tế của cơ sở cai nghiện. Trường hợp người cai nghiện bị ốm nặng vượt quá khả năng điều trị của cơ sở cai nghiện thì được đưa đi bệnh viện hoặc đưa về gia đình để điều trị. Giám đốc cơ sở cai nghiện phải báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và thông báo cho cha, mẹ hoặc người giám hộ của người cai nghiện.

- Chi trả chi phí điều trị:

Trường hợp người cai nghiện được tạm đình chỉ thi hành quyết định đưa về gia đình điều trị, thì gia đình phải chi trả toàn bộ kinh phí khám, chữa bệnh.

Trường hợp người cai nghiện có bảo hiểm y tế thì kinh phí khám, chữa bệnh cho người cai nghiện do bảo hiểm y tế chi trả theo quy định. Trường hợp người cai nghiện không có bảo hiểm y tế thì kinh phí khám, chữa bệnh cho người cai nghiện do ngân sách nhà nước đảm bảo trong dự toán chi của cơ sở cai nghiện [ma túy](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tag/ma-tuy). Cơ sở cai nghiện bắt buộc trực tiếp thanh toán tiền viện phí cho bệnh viện nơi người cai nghiện được điều trị.

Trường hợp người cai nghiện bị thương tích do tai nạn lao động, thiên tai, hỏa hoạn thì cơ sở cai nghiện phải tổ chức điều trị và làm thủ tục để thực hiện chế độ trợ cấp theo quy định.

- Trong thời gian điều trị tại bệnh viện, cơ sở cai nghiện có trách nhiệm quản lý chặt chẽ, không để người cai nghiện trốn hoặc vi phạm pháp luật. Thời gian điều trị bệnh của người cai nghiện được tính vào thời gian chấp hành quyết định. Một ngày điều trị bệnh được tính bằng một ngày chấp hành quyết định.

Như vậy, theo quy định nêu trên, nếu anh T bị ốm, đau dạ dày thì sẽ được điều trị tại phòng y tế của cơ sở cai nghiện. Trường hợp bị ốm nặng vượt quá khả năng điều trị của cơ sở cai nghiện thì mới được đưa đi bệnh viện hoặc đưa về gia đình để điều trị.

**17.** **Việc lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi được quy định như thế nào?**

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Luật Phòng, chống ma tuý 2021, việc lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi được thực hiện như sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc có hành vi vi phạm trong trường hợp không xác định được nơi cư trú lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Trường hợp người nghiện ma túy do công an cấp huyện hoặc công an cấp tỉnh phát hiện hoặc trong quá trình điều tra, thụ lý các vụ việc vi phạm pháp luật mà đối tượng là người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi thuộc diện đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì cơ quan công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người đó;

- Hồ sơ đề nghị bao gồm biên bản vi phạm, bản tóm tắt lý lịch, tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó, bản tường trình của người nghiện ma túy hoặc của người đại diện hợp pháp của họ, ý kiến của cha, mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp;

- Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị.

**18. Cơ sở cai nghiện ma túy công lập có trách nhiệm gì?**

Theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Luật Phòng, chống ma tuý 2021, cơ sở cai nghiện ma túy công lập có trách nhiệm sau đây:

- Tuân thủ các quy định về xác định tình trạng nghiện ma túy, quy trình cai nghiện ma túy, quản lý người đang trong thời gian lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Tôn trọng tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người cai nghiện ma túy, người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy và người đang trong thời gian lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Bảo đảm quyền của người nghiện ma túy trong thời gian cai nghiện và cấp giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy bắt buộc cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

**19. Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện có được thu các khoản chi phí liên quan đến cai nghiện ma túy hay không?**

Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện do cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy thành lập. Theo quy định tại khoản 2 điều 36 Luật Phòng, chống ma tuý 2021 thì cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện có quyền sau đây:

- Tiếp nhận người nghiện ma túy vào cai nghiện ma túy tự nguyện phù hợp với khả năng tiếp nhận của cơ sở cai nghiện;

- Được thu các khoản chi phí liên quan đến cai nghiện ma túy;

- Được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật.

Do vậy, theo quy định cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện có được thu các khoản chi phí liên quan đến cai nghiện ma túy.

**20. Trách nhiệm của cơ sở y tế tự nguyện được quy định như thế nào?**

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 36 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021, cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện có các trách nhiệm sau đây:

- Tuân thủ quy trình cai nghiện ma túy;

- Tôn trọng tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người cai nghiện ma túy;

- Bảo đảm quyền của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi trong thời gian cai nghiện ma túy;

- Người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm bảo đảm điều kiện hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy; niêm yết công khai chi phí liên quan đến cai nghiện ma túy tại cơ sở theo quy định của pháp luật;

- Phòng, chống thẩm lậu ma túy vào cơ sở;

- Bố trí các khu hoặc phòng riêng khi tiếp nhận các đối tượng là người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, người mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A, nhóm B theo quy định của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, nữ giới; người có sự khác nhau giữa thực thể và giới tính ghi trong hồ sơ, lý lịch được quản lý tại phòng riêng trong khu vực theo giới tính biểu hiện trên thực thể học viên;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người cai nghiện ma túy được tiếp nhận hoặc tự ý chấm dứt việc sử dụng dịch vụ hoặc hoàn thành quy trình cai nghiện ma túy phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện.

**21. Xin hỏi, người Việt Nam bị nước ngoài trục xuất về Việt Nam do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy về nước và người nước ngoài nghiện ma túy sinh sống tại Việt Nam thì phải áp dụng biện pháp cai nghiện nào?**

[Điều 37 Luật Phòng, chống ma túy 2021](https://lawnet.vn/vb/luat-phong-chong-ma-tuy-2021-6CB01.html) quy định về việc ap dụng biện pháp cai nghiện ma túy cho người Việt Nam bị nước ngoài trục xuất về nước do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy; người nước ngoài nghiện ma túy sinh sống tại Việt Nam như sau:

- Người Việt Nam bị nước ngoài trục xuất về Việt Nam do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy khi về nước phải tiến hành xác định tình trạng nghiện ma túy. Trường hợp được xác định là nghiện ma túy thì người đó phải thực hiện các biện pháp cai nghiện ma túy theo quy định.

- Người nước ngoài nghiện ma túy sinh sống tại Việt Nam có trách nhiệm đăng ký thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy theo quy định của Luật này và phải chi trả toàn bộ các khoản chi phí liên quan đến cai nghiện. Trường hợp không thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện thì người đó bị xử lý theo quy định của pháp luật.

**22. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi đang cai nghiện ma túy bắt buộc được miễn chấp hành thời gian còn lại trong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong trường hợp nào?**

Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi đang cai nghiện ma túy bắt buộc mà bị phát hiện thực hiện hành vi phạm tội trước hoặc trong thời gian chấp hành quyết định cai nghiện ma túy bắt buộc và bị Tòa án xử phạt tù nhưng không được hưởng án treo thì được miễn chấp hành thời gian còn lại trong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 14 của Luật Phòng, chống ma tuý 2021.

**23. Việc quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú được quy định như thế nào?**

Điều 40 Luật Phòng, chống ma tuý 2021 quy định về việc quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú như sau:

- Người đã hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện, người đã hoàn thành điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chịu sự quản lýsau cai nghiện ma túy trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành việc cai nghiện hoặc chấp hành xong quyết định.

- Người đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chịu sự quản lý sau cai nghiện ma túy trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định.

- Nội dung quản lý sau cai nghiện ma túy bao gồm: Lập danh sách người bị quản lý sau cai nghiện ma túy; Tư vấn, giúp đỡ, phòng, chống tái nghiện ma túy; Theo dõi, phát hiện, ngăn chặn hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Hỗ trợ xã hội trong thời gian quản lý sau cainghiện ma túy bao gồm: Hỗ trợ học văn hóa đối vớingườitừ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi; Hỗ trợ học nghề, vay vốn, tìm việc làm và tham gia các hoạt động xã hội để hòa nhập cộng đồng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định và tổ chức quản lý, hỗ trợ xã hội sau cai nghiện ma túy.

**24. Trách nhiệm của gia đình người nghiện ma túy và cộng đồng được quy định như thế nào?**

Điều 42 Luật Phòng, chống ma tuý 2021 quy định về trách nhiệm của gia đình người nghiện ma túy, cộng đồng, theo đó:

- Gia đình người nghiện ma túy có trách nhiệm: Hỗ trợ người nghiện ma túy trong quá trình cai nghiện ma túy, sau cai nghiện ma túy và hòa nhập cộng đồng; phối hợp với cơ quan, người có thẩm quyền trong việc lập hồ sơ áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc; phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan hỗ trợ người nghiện ma túy trong quá trình cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy và hòa nhập cộng đồng.

- Cộng đồng nơi người nghiện ma túy cư trú có trách nhiệm: Động viên, giúp đỡ người nghiện ma túy; phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan hỗ trợ người nghiện ma túy trong quá trình cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy và hòa nhập cộng đồng.

**25. Người có thẩm quyền đưa ra khỏi danh sách người nghiện ma túy, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy trong những trường hợp nào?**

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 43 Luật Phòng, chống ma tuý 2021, Công an cấp xã giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp đưa ra khỏi danh sách người nghiện ma túy, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy đối với các trường hợp sau đây:

- Trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 40 của Luật này mà không phát hiện người đó sử dụng trái phép chất ma túy;

- Người nghiện ma túy, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy phải thi hành án phạt tù;

- Người nghiện ma túy, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy chuyển đến cư trú ở địa phương khác;

- Người nghiện ma túy, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy chết, bị Tòa án tuyên bố mất tích.

**26. Bộ Công an có trách nhiệm như thế nào trong việc quản lý nhà nước phòng, chống ma túy?**

Điều 46 Luật Phòng, chống ma tuý 2021 quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy của Bộ Công an như sau:

- Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan trong phòng, chống ma túy; tổ chức tiếp nhận và xử lý thông tin tội phạm về ma túy; kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy theo thẩm quyền.

- Tổ chức công tác giám định chất ma túy và tiền chất.

- Đào tạo, bồi dưỡng người làm công tác điều tra, đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy.

- Hướng dẫn việc lập danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy.

- Chủ trì thực hiện thống kê nhà nước về phòng, chống ma túy; quản lý thông tin tội phạm về ma túy, người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy và kết quả kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.

- Thực hiện hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy.

**27. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc quản lý nhà nước phòng, chống ma túy được quy định như thế nào?**

Điều 47 Luật Phòng, chống ma tuý 2021 quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội như sau:

- Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan và chính quyền địa phương hướng dẫn việc tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

- Hướng dẫn việc thành lập, giải thể và tổ chức hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

- Đào tạo, bồi dưỡng người làm công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy.

- Hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện việc tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống ma túy trong hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Thực hiện hợp tác quốc tế về cai nghiện ma túy.

- Thống kê người nghiện ma túy đang cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy.

**28. Trách nhiệm của Bộ Y tế trong việc quản lý nhà nước phòng, chống ma túy được quy định như thế nào?**

Điều 49 Luật Phòng, chống ma tuý 2021 quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy của Bộ Y tế như sau:

- Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

- Thực hiện việc nghiên cứu thuốc và phương pháp cai nghiện ma túy; cấp, thu hồi giấy phép lưu hành thuốc, phương pháp cai nghiện ma túy; hỗ trợ về người, chuyên môn kỹ thuật y tế để cai nghiện ma túy.

- Thống kê người đang tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

22 câu hỏi đáp, tình huống pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới. Văn bản sử dụng: Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới.

**Câu 1. Anh/chị hãy cho biết đối tượng áp dụng của các quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới ?**

Theo Điều 2 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ đã quy định rất rõ về đối tượng áp dụng của các quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới, cụ thể như sau:

- Trong đó, tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài; hộ kinh doanh, hộ gia đình có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới trong phạm vi lãnh thổ, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trên tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. Cụ thể, các tổ chức quy định tại Điều này bao gồm:

+ Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm hành chính về bình đẳng giới mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;

+ Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật;

+ Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

+ Đơn vị sự nghiệp;

+ Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam;

+ Các tổ chức quốc tế, tổ chức liên Chính phủ, cơ quan, tổ chức thuộc Chính phủ nước ngoài, tổ chức phi Chính phủ được phép hoạt động tại Việt Nam;

+ Các tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

- Ngoài ra, đối tượng áp dụng của các quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới còn có người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.

- Và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính và thi hành các hình thức xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Nghị định này.

**Câu 2. Anh/chị hãy cho biết thời hiệu xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới được pháp luật quy định như thế nào?**

Theo Điều 3 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ đã quy định về thời hiệu xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới được pháp luật quy định, cụ thể như sau:

- Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới là một năm.

- Theo đó, đối với hành vi vi phạm hành chính về bình đẳng giới đã kết thúc là hành vi được thực hiện một lần hoặc nhiều lần và có căn cứ xác định hành vi đã thực hiện xong trước thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền phát hiện vi phạm hành chính thì thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày đã thực hiện xong hành vi vi phạm đó.

- Ngoài ra, đối với hành vi vi phạm hành chính về bình đẳng giới đang được thực hiện là hành vi đang diễn ra tại thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền phát hiện vi phạm hành chính và hành vi đó vẫn đang xâm hại trật tự quản lý nhà nước trong lĩnh vực bình đẳng giới.

**Câu 3. Hiện nay, pháp luật quy định như thế nào về các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới ?**

Theo Điều 4 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ đã quy định rõ về các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới, cụ thể như sau:

- Hình thức xử phạt chính:

+ Phạt cảnh cáo;

+ Phạt tiền.

- Hình thức xử phạt bổ sung:

+ Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động có thời hạn;

+ Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

- Biện pháp khắc phục hậu quả:

+ Buộc cải chính công khai thông tin sai sự thật;

+ Buộc xin lỗi công khai;

+ Buộc khôi phục lại quyền lợi hợp pháp của cá nhân, tổ chức đã bị xâm phạm;

+ Buộc chịu mọi chi phí khám bệnh, chữa bệnh hợp lý cho người bị xâm phạm trong trường hợp hành vi vi phạm hành chính gây thiệt hại về sức khỏe, tinh thần;

+ Buộc tiêu hủy tác phẩm, văn hóa phẩm, sản phẩm in, sách giáo khoa, giáo trình, chương trình giảng dạy có nội dung định kiến giới, cổ vũ, tuyên truyền, phổ biến phân biệt đối xử về giới;

+ Buộc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc đính chính tác phẩm, văn hóa phẩm, sản phẩm in, sách giáo khoa, giáo trình, chương trình giảng dạy có nội dung định kiến giới, cổ vũ, tuyên truyền, phổ biến phân biệt đối xử về giới;

+ Buộc sửa đổi hoặc bãi bỏ quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức, hương ước, quy ước của cộng đồng có sự phân biệt đối xử về giới;

+ Buộc sửa đổi hoặc bãi bỏ quy định về tuổi đào tạo, tuổi tuyển sinh có sự phân biệt đối xử về giới;

+ Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính;

+ Buộc nộp lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động bị tẩy xóa, sửa chữa, làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp các loại giấy phép, chứng chỉ, giấy đăng ký hoạt động đó.

**Câu 4. Anh/chị hãy cho biết hiện này pháp luật quy định như thế nào về mức phạt tiền, thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức ?**

Theo Điều 5 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ đã quy định rõ về các mức phạt tiền, thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới, cụ thể như sau:

- Mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới đối với cá nhân là 30.000.000 đồng.

- Mức phạt tiền quy định đối với các hành vi vi phạm hành chính tại Chương II Nghị định này được quy định áp dụng đối với cá nhân, trường hợp tổ chức có hành vi vi phạm hành chính như cá nhân thì mức phạt tiền bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

+ Trường hợp hộ gia đình, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm hành chính thì áp dụng mức phạt tiền như đối với cá nhân;

+ Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới thì áp dụng mức xử phạt theo quy định của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Thẩm quyền phạt tiền của các chức danh được quy định tại Chương III Nghị định này là thẩm quyền phạt tiền đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân. Thẩm quyền phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân.

**Câu 5. Anh/chị hãy cho biết chế tài xử lý đối với hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người tự ứng cử, được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp vì định kiến giới ?**

Hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người tự ứng cử, được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp vì định kiến giới là một trong số các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến chính trị.

Theo đó, đối với hành vi nêu trên theo khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ đã quy định, cụ thể như sau:

Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người tự ứng cử, được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp vì định kiến giới;

- Xúc phạm danh dự, nhân phẩm nhằm cản trở việc bổ nhiệm người vào vị trí quản lý, lãnh đạo hoặc các chức danh chuyên môn vì định kiến giới;

- Cố ý tuyên truyền sai sự thật để cản trở người tự ứng cử, được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp vì định kiến giới;

- Cố ý tuyên truyền sai sự thật để cản trở việc bổ nhiệm người vào vị trí quản lý, lãnh đạo hoặc các chức danh chuyên môn vì định kiến giới.

**Câu 6. Anh/chị hãy cho biết chế tài xử lý đối với hành vi xúi giục, lôi kéo người khác chỉ bỏ phiếu cho người thuộc một giới tính nhất định khi thực hiện các thủ tục lấy ý kiến về ứng cử viên để bổ nhiệm vào vị trí quản lý, lãnh đạo hoặc các chức danh chuyên môn vì định kiến giới ?**

Hành vi xúi giục, lôi kéo người khác chỉ bỏ phiếu cho người thuộc một giới tính nhất định khi thực hiện các thủ tục lấy ý kiến về ứng cử viên để bổ nhiệm vào vị trí quản lý, lãnh đạo hoặc các chức danh chuyên môn vì định kiến giới là một trong số các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến chính trị.

Theo đó, đối với hành vi nêu trên theo khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ đã quy định, cụ thể như sau:

Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Xúi giục, lôi kéo người khác chỉ bỏ phiếu cho người thuộc một giới tính nhất định khi bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp vì định kiến giới;

 - Xúi giục, lôi kéo người khác chỉ bỏ phiếu cho người thuộc một giới tính nhất định khi thực hiện các thủ tục lấy ý kiến về ứng cử viên để bổ nhiệm vào vị trí quản lý, lãnh đạo hoặc các chức danh chuyên môn vì định kiến giới.

**Câu 7. Anh/chị hãy cho biết chế tài xử lý đối với hành vi xúi giục người khác trì hoãn hoặc trì hoãn thực hiện các thủ tục nhằm cản trở việc bổ nhiệm người vào vị trí quản lý, lãnh đạo hoặc các chức danh chuyên môn vì định kiến giới ?**

Hành vi xúi giục người khác trì hoãn hoặc trì hoãn thực hiện các thủ tục nhằm cản trở việc bổ nhiệm người vào vị trí quản lý, lãnh đạo hoặc các chức danh chuyên môn vì định kiến giới là một trong số các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến chính trị.

Theo đó, đối với hành vi nêu trên thì theo khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ đã quy định, cụ thể như sau:

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Xúi giục người khác trì hoãn, không cung cấp hoặc trì hoãn, không cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định các thông tin, tài liệu, mẫu hồ sơ nhằm cản trở người tự ứng cử, được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp vì định kiến giới;

- Xúi giục người khác trì hoãn hoặc trì hoãn thực hiện các thủ tục nhằm cản trở việc bổ nhiệm người vào vị trí quản lý, lãnh đạo hoặc các chức danh chuyên môn vì định kiến giới;

- Đe dọa dùng vũ lực hoặc uy hiếp tinh thần nhằm cản trở người tự ứng cử, được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp vì định kiến giới;

- Đe dọa dùng vũ lực hoặc uy hiếp tinh thần nhằm cản trở việc bổ nhiệm người vào vị trí quản lý, lãnh đạo hoặc các chức danh chuyên môn vì định kiến giới.

**Câu 8. Anh/chị hãy cho biết chế tài xử lý đối với hành vi dùng vũ lực cản trở người tự ứng cử, được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp vì định kiến giới ?**

Hành vi dùng vũ lực cản trở người tự ứng cử, được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp vì định kiến giới là một trong số các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến chính trị.

Theo đó, đối với hành vi nêu trên thì theo khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ đã quy định, cụ thể như sau:

Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Dùng vũ lực cản trở người tự ứng cử, được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp vì định kiến giới;

- Dùng vũ lực cản trở việc bổ nhiệm người vào vị trí quản lý, lãnh đạo hoặc các chức danh chuyên môn vì định kiến giới;

- Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ, văn bản hoặc ép buộc người khác tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ, văn bản nhằm cản trở người tự ứng cử, được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp vì định kiến giới;

- Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ, văn bản hoặc ép buộc người khác tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ, văn bản nhằm cản trở việc bổ nhiệm người vào vị trí quản lý, lãnh đạo hoặc các chức danh chuyên môn vì định kiến giới;

- Không thực hiện việc bổ nhiệm người vào vị trí quản lý, lãnh đạo hoặc các chức danh chuyên môn vì định kiến giới.

**Câu 9. Anh/chị hãy cho biết hình thức xử phạt bổ sung v****à các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến chính trị?**

Theo khoản 5 và 6 Điều 6 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định về các hình thức phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến chính trị, cụ thể như sau:

- Áp dụng hình thức phạt bổ sung: tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi sau đây:

+ Dùng vũ lực cản trở người tự ứng cử, được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp vì định kiến giới;

+ Dùng vũ lực cản trở việc bổ nhiệm người vào vị trí quản lý, lãnh đạo hoặc các chức danh chuyên môn vì định kiến giới;

+ Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ, văn bản hoặc ép buộc người khác tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ, văn bản nhằm cản trở người tự ứng cử, được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp vì định kiến giới;

+ Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ, văn bản hoặc ép buộc người khác tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ, văn bản nhằm cản trở việc bổ nhiệm người vào vị trí quản lý, lãnh đạo hoặc các chức danh chuyên môn vì định kiến giới;

- Ngoài ra, tại Điều 6 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP cũng quy định việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến chính trị, cụ thể sau:

+ Buộc xin lỗi công khai người bị xâm phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1, các điểm c và d khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ (trừ trường hợp người bị xâm phạm có đơn không yêu cầu);

+ Buộc cải chính công khai thông tin sai sự thật đối với hành vi quy định tại các điểm c và d khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ;

+ Buộc khôi phục lại quyền lợi hợp pháp của người bị xâm phạm đối với hành vi quy định tại các điểm a và b khoản 3, điểm c, d và đ khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ;

+ Buộc chịu mọi chi phí khám bệnh, chữa bệnh hợp lý đối với hành vi quy định tại các điểm c và d khoản 3, điểm a và b khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ trong trường hợp gây thiệt hại về sức khỏe, tinh thần cho người bị xâm phạm;

+ Buộc sửa đổi hoặc bãi bỏ quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức, cá nhân có sự phân biệt đối xử về giới đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều 6 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ.

**Câu 10. Anh/chị hãy cho biết chế tài xử lý đối với hành vi đe dọa dùng vũ lực hoặc uy hiếp tinh thần nhằm cản trở người thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh vì định kiến giới ?**

Hành vi đe dọa dùng vũ lực hoặc uy hiếp tinh thần nhằm cản trở người thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh vì định kiến giới là một trong số các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến kinh tế.

Theo đó, đối với hành vi nêu trên thì theo khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ đã quy định, cụ thể như sau:

Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Xúc phạm danh dự, nhân phẩm người thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh vì định kiến giới;

+ Đe dọa dùng vũ lực hoặc uy hiếp tinh thần nhằm cản trở người thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh vì định kiến giới;

+ Xúi giục người khác trì hoãn cung cấp hoặc trì hoãn, không cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định các thông tin, tài liệu, mẫu hồ sơ theo quy định đối với người thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh vì định kiến giới.

**Câu 11. Anh/chị hãy cho biết chế tài xử lý đối với hành vi sửa chữa, làm sai lệch hồ sơ nhằm cản trở người thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh vì định kiến giới ?**

Hành vi sửa chữa, làm sai lệch hồ sơ nhằm cản trở người thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh vì định kiến giới là một trong số các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến kinh tế.

Theo đó, đối với hành vi nêu trên thì theo khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ đã quy định, cụ thể như sau:

Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Dùng vũ lực cản trở người thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh vì định kiến giới;

+ Sửa chữa, làm sai lệch hồ sơ nhằm cản trở người thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh vì định kiến giới;

+ Ép buộc người khác sửa chữa, làm sai lệch hồ sơ nhằm cản trở người thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh vì định kiến giới.

**Câu 12. Anh/chị hãy cho biết hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến kinh tế?**

Theo khoản 3 và 4 Điều 7 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định về các hình thức phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến kinh tế, cụ thể như sau:

- Áp dụng hình thức phạt bổ sung: tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP, trừ các loại giấy phép, chứng chỉ, giấy đăng ký hoạt động quy định tại điểm d khoản 4 Điều này.

-  Ngoài ra, tại Điều 7 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP cũng quy định việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến kinh tế, cụ thể sau:

+ Buộc xin lỗi công khai người bị xâm phạm đối với hành vi quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP (trừ trường hợp người bị xâm phạm có đơn không yêu cầu);

+ Buộc khôi phục lại quyền lợi hợp pháp của người bị xâm phạm đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 1 và các điểm b và c khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP;

+ Buộc chịu mọi chi phí khám bệnh, chữa bệnh hợp lý đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP trong trường hợp gây thiệt hại về sức khỏe, tinh thần cho người bị xâm phạm;

+ Buộc nộp lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung (nếu có) đối với hành vi quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp các loại giấy phép, chứng chỉ, giấy đăng ký hoạt động đó.

**Câu 13. Anh/chị hãy cho biết các mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến lao động ?**

Theo khoản 2 và 3 Điều 8 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ đã quy định về mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến lao động, cụ thể như sau:

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Phân biệt đối xử về giới trong bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động;

+ Ép buộc hoặc nghiêm cấm người khác lựa chọn việc làm, nơi làm việc, nghề nghiệp vì định kiến giới;

+ Phân biệt đối xử về giới trong phân công công việc dẫn đến chênh lệch về thu nhập;

+ Từ chối tuyển dụng hoặc tuyển dụng hạn chế người lao động thuộc một giới tính nhất định.

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi đặt ra và thực hiện các quy định, quy chế có sự phân biệt đối xử về giới.

Ngoài ra, tại khoản 1 và 4 Điều 8 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP cũng quy định hình thức phạt cảnh cáo đối với hành vi vận động, xúi giục người khác lựa chọn việc làm, nơi làm việc, nghề nghiệp theo định kiến giới. Các hành vi vi phạm quy định riêng đối với lao động nữ và đảm bảo bình đẳng giới bị xử phạt theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

**Câu 14. Anh/chị hãy cho biết các biện pháp khắc phục hậu quả đối với** **các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến lao động?**

Theo khoản 5 Điều 8 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ đã quy định về biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến lao động, cụ thể như sau:

- Buộc khôi phục lại quyền lợi hợp pháp của người bị xâm phạm đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP;

- Buộc sửa đổi hoặc bãi bỏ các quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức, cá nhân có sự phân biệt đối xử về giới đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều 8 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP.

**Câu 15. Anh/chị hãy cho biết các mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến giáo dục, đào tạo ?**

Theo Điều 9 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ đã quy định về mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến giáo dục, đào tạo, cụ thể như sau:

- Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi ép buộc hoặc cản trở người khác lựa chọn môn học, ngành, nghề học tập, đào tạo vì lý do giới tính.

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vận động, ép buộc người khác nghỉ học vì lý do giới tính.

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Vận động, ép buộc có tổ chức nhiều người nghỉ học vì lý do giới tính;

+ Từ chối tuyển sinh đối với người có đủ điều kiện vào các khóa đào tạo, bồi dưỡng vì lý do giới tính hoặc do việc mang thai, sinh con, nuôi con nhỏ.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi quy định tuổi đào tạo, tuổi tuyển sinh khác nhau giữa nam và nữ.

- Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi tổ chức giáo dục hướng nghiệp, biên soạn, phổ biến sách giáo khoa, giáo trình, chương trình giảng dạy có nội dung định kiến giới.

Ngoài ra, tại Điều 9 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP cũng quy định việc áp dụng hình thức phạt cảnh cáo đối với hành vi vận động, xúi giục hoặc không cho người khác tới trường, học tập nâng cao hiểu biết vì lý do giới tính.

**Câu 16. Anh/chị hãy cho biết các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến giáo dục, đào tạo?**

Theo khoản 7 Điều 9 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ đã quy định về biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến giáo dục, đào tạo, cụ thể như sau:

- Buộc khôi phục quyền lợi hợp pháp của người bị xâm phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 9 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP;

- Buộc sửa đổi hoặc bãi bỏ các quy định về tuổi đào tạo, tuổi tuyển sinh có sự phân biệt đối xử về giới đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều 9 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP;

- Buộc sửa đổi, thay thế hoặc đính chính sách giáo khoa, giáo trình, chương trình giảng dạy có nội dung định kiến giới. Nếu không sửa đổi, thay thế hoặc đính chính thì buộc phải tiêu hủy các tài liệu có nội dung định kiến giới đối với hành vi quy định tại khoản 6 Điều 9 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP;

- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 6 Điều 9 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP.

**Câu 17. Anh/chị hãy cho biết các mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến khoa học, công nghệ ?**

Theo Điều 10 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ đã quy định về mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến khoa học, công nghệ, cụ thể như sau:

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm nhằm cản trở người khác tham gia hoạt động khoa học, công nghệ vì lý do giới tính.

- Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Đe dọa dùng vũ lực hoặc uy hiếp tinh thần nhằm cản trở người khác tham gia hoạt động khoa học, công nghệ vì lý do giới tính;

+ Không cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định thông tin, tài liệu nhằm cản trở người khác tham gia hoạt động khoa học, công nghệ vì lý do giới tính.

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Dùng vũ lực cản trở người khác tham gia hoạt động khoa học, công nghệ vì lý do giới tính;

+ Không cho người khác tham gia hoạt động khoa học, công nghệ vì lý do giới tính.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi từ chối việc tham gia của một giới trong các khóa đào tạo hoặc trong các hoạt động khoa học, công nghệ.

**Câu 18. Anh/chị hãy cho biết hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến khoa học, công nghệ?**

Theo khoản 5 và 6 Điều 10 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định về các hình thức phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến khoa học, công nghệ, cụ thể như sau:

- Áp dụng hình thức phạt bổ sung: tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP.

- Ngoài ra, tại Điều 10 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP cũng quy định việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến khoa học, công nghệ, cụ thể sau:

+ Buộc xin lỗi công khai người bị xâm phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP (trừ trường hợp người bị xâm phạm có đơn không yêu cầu);

+ Buộc khôi phục quyền lợi hợp pháp của người bị xâm phạm đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 10 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP;

+ Buộc chịu mọi chi phí khám bệnh, chữa bệnh hợp lý đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 10 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP trong trường hợp gây thiệt hại về sức khỏe, tinh thần cho người bị xâm phạm.

**Câu 19. Anh/chị hãy cho biết các mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến văn hóa, thể dục, thể thao ?**

Theo Điều 11 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ đã quy định về mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến văn hóa, thể dục, thể thao, cụ thể như sau:

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Xúc phạm danh dự, nhân phẩm nhằm cản trở người sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật, biểu diễn hoặc tham gia hoạt động văn hóa khác, hoạt động thể dục, thể thao vì định kiến giới;

+ Đe dọa dùng vũ lực hoặc uy hiếp tinh thần nhằm cản trở người sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật, biểu diễn hoặc tham gia hoạt động văn hóa khác, hoạt động thể dục, thể thao vì định kiến giới.

- Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Dùng vũ lực cản trở người sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật, biểu diễn hoặc tham gia hoạt động văn hóa khác, hoạt động thể dục, thể thao vì định kiến giới;

+ Không cho người khác sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật, biểu diễn hoặc tham gia hoạt động văn hóa khác, hoạt động thể dục, thể thao vì định kiến giới;

+ Tự mình hoặc xúi giục người khác thực hiện phong tục tập quán lạc hậu mang tính phân biệt đối xử về giới dưới mọi hình thức.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Sáng tác, lưu hành, xuất bản hoặc cho phép xuất bản các tác phẩm, văn hóa phẩm có nội dung cổ vũ, tuyên truyền phân biệt đối xử về giới, định kiến giới dưới bất kỳ thể loại, hình thức nào;

+ Truyền bá tư tưởng, phong tục, tập quán lạc hậu mang tính phân biệt đối xử về giới dưới mọi hình thức;

+ Đặt ra và thực hiện các quy định có sự phân biệt đối xử về giới trong hương ước, quy ước của cộng đồng.

**Câu 20. Anh/chị hãy cho biết hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến văn hóa, thể dục, thể thao?**

Theo khoản 4 và 5 Điều 11 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định về các hình thức phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến văn hóa, thể dục, thể thao, cụ thể như sau:

- Các hình thức phạt bổ sung đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến văn hóa, thể dục, thể thao:

+ Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với hành vi lưu hành, xuất bản hoặc cho phép xuất bản quy định tại điểm a khoản 3 Điều 11 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP;

+ Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP.

- Ngoài ra, tại Điều 11 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP cũng quy định việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến văn hóa, thể dục, thể thao, cụ thể sau:

+ Buộc xin lỗi công khai người bị xâm phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này (trừ trường hợp người bị xâm phạm có đơn không yêu cầu);

+ Buộc khôi phục quyền lợi hợp pháp của người bị xâm phạm đối với hành vi quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP;

+ Buộc tháo dỡ, sửa đổi, thay thế hoặc đính chính các tác phẩm, văn hóa phẩm có nội dung định kiến giới, cổ vũ, tuyên truyền phân biệt đối xử về giới; nếu không tháo dỡ, sửa đổi, thay thế hoặc đính chính thì buộc tiêu hủy các tác phẩm, văn hóa phẩm có nội dung định kiến giới, cổ vũ, tuyên truyền phân biệt đối xử về giới đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều 11 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP;

+ Buộc sửa đổi hoặc bãi bỏ các quy định có sự phân biệt đối xử về giới trong hương ước, quy ước của cộng đồng đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

+ Buộc chịu mọi chi phí khám bệnh, chữa bệnh hợp lý đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP trong trường hợp gây thiệt hại về sức khỏe, tinh thần cho người bị xâm phạm;

+ Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 3 Điều 11 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP.

**Câu 21. Anh/chị hãy cho biết các mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến y tế ?**

Theo Điều 12 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ đã quy định về mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến y tế, cụ thể như sau:

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Xúc phạm danh dự, nhân phẩm người tham gia các hoạt động giáo dục sức khỏe, truyền thông về chăm sóc sức khỏe, sức khỏe sinh sản và sử dụng các dịch vụ y tế vì định kiến giới;

+ Trì hoãn, không cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định các tài liệu cho người tham gia các hoạt động giáo dục sức khỏe, truyền thông về chăm sóc sức khỏe, sức khỏe sinh sản và sử dụng các dịch vụ y tế vì định kiến giới.

- Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Cản trở hoặc không cho người khác tham gia các hoạt động giáo dục, truyền thông về chăm sóc sức khỏe, sức khỏe sinh sản và sử dụng các dịch vụ y tế vì định kiến giới;

+ Đe dọa dùng vũ lực hoặc uy hiếp tinh thần người tham gia các hoạt động giáo dục, truyền thông về chăm sóc sức khỏe, sức khỏe sinh sản và sử dụng các dịch vụ y tế vì định kiến giới.

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi dùng vũ lực cản trở người khác tham gia các hoạt động giáo dục sức khỏe, truyền thông về chăm sóc sức khỏe, sức khỏe sinh sản và sử dụng các dịch vụ y tế vì định kiến giới.

Ngoài ra, tại Điều 12 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP cũng quy định việc áp dụng hình thức phạt cảnh cáo đối với hành vi xúi giục người khác không tham gia các hoạt động giáo dục sức khỏe, truyền thông về chăm sóc sức khỏe, sức khỏe sinh sản và sử dụng các dịch vụ y tế vì định kiến giới. Các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức hoặc xúi giục, ép buộc người khác phá thai vì giới tính của thai nhi bị xử phạt theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

**Câu 22. Anh/chị hãy cho biết hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến y tế ?**

Theo khoản 6 và 7 Điều 12 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định về các hình thức phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến y tế, cụ thể như sau:

- Áp dụng hình thức phạt bổ sung: tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều 12 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP.

- Ngoài ra, tại Điều 12 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP cũng quy định việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến y tế, cụ thể:

+ Buộc xin lỗi công khai người bị xâm phạm đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP (trừ trường hợp người bị xâm phạm có đơn không yêu cầu);

+ Buộc khôi phục quyền lợi hợp pháp của người bị xâm phạm đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều 12 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP;

- Buộc chịu mọi chi phí khám bệnh, chữa bệnh hợp lý đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 12 của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP trong trường hợp gây thiệt hại về sức khỏe, tinh thần cho người bị xâm phạm.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*26 câu hỏi đáp, tình huống pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em. Văn bản sử dụng: Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em.*

**Câu 1.** **Để được hưởng hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng anh A đã có hành vi khai báo gian dối với chính quyền địa phương. Xin hãy cho biết hành vi của anh A bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo khoản 4 Điều 6Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ emthì sẽ phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Khai báo gian dối để được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng;

- Khai báo gian dối để được hưởng hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng;

- Khai báo gian dối để được tiếp nhận vào các cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng tập trung.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên, anh A có hành vi khai báo gian dối để được hưởng hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng sẽ bị phạt tiền từ .000.000 đồng đến 3.000.000 đồng, đồng thời bị buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm trên.

 **Câu 2. Xin hãy cho biết hành vi lợi dụng việc nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội để trục lợi bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định việc phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Lợi dụng việc nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội để trục lợi;

- Bắt buộc đối tượng bảo trợ xã hội lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Như vậy, đối chiếu quy định trên, hành vi lợi dụng việc nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội để trục lợi bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, đồng thời bị đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với cơ sở trợ giúp xã hội thực hiện hành vi vi phạm; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm nêu trên.

**Câu 3: Xin hãy cho biết việc thu tiền dịch vụ đối với đối tượng bảo trợ xã hội trái với quy định của pháp luật bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định việc phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Sử dụng kinh phí, cơ sở vật chất của cơ sở trợ giúp xã hội sai mục đích;

- Thu tiền dịch vụ đối với đối tượng bảo trợ xã hội trái với quy định của pháp luật;

- Không bảo đảm một trong các điều kiện về môi trường, y tế, vệ sinh, cơ sở vật chất, cán bộ, nhân viên;

- Không tuân thủ quy trình, tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Như vậy, đối chiếu quy định trên, hành vi thu tiền dịch vụ đối với đối tượng bảo trợ xã hội trái với quy định của pháp luật sẽ bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Đồng thời buộc hoàn trả cho đối tượng bảo trợ xã hội các khoản tiền đã thu trái pháp luật đối với hành vi vi phạm nêu trên;

**Câu 4: Xin hãy cho biết hành vi chi trả trợ cấp không đủ mức cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ thì hành vi chi trả trợ cấp không đủ mức cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật sẽ bị xử phạt như sau:

 Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Chi trả trợ cấp không đủ mức cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật;

- Chi trả trợ cấp không đúng thời hạn cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật.

Như vậy, đối chiếu quy định trên, hành vi chi trả trợ cấp không đủ mức cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật sẽ bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Đồng thời buộc chi trả đủ số tiền trợ cấp cho đúng đối tượng đối với hành vi vi phạm nêu trên.

 **Câu 5: Xin hãy cho biết hành vi để hư hỏng, thất thoát tiền, hàng cứu trợ, trừ trường hợp bất khả kháng do thiên tai, hỏa hoạn bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Tại khoản 1 Điều 10Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định việc phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Để hư hỏng, thất thoát tiền, hàng cứu trợ, trừ trường hợp bất khả kháng do thiên tai, hỏa hoạn;

- Sử dụng, phân phối tiền, hàng cứu trợ không đúng mục đích, không đúng đối tượng;

- Tráo đổi hàng cứu trợ.

Như vậy, đối chiếu quy định trên, hành vi để hư hỏng, thất thoát tiền, hàng cứu trợ, trừ trường hợp bất khả kháng do thiên tai, hỏa hoạn bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Đồng thời buộc bồi hoàn lại số tiền, hàng cứu trợ bị hư hỏng, thất thoát do thực hiện hành vi vi phạm, buộc chịu mọi chi phí khám bệnh, chữa bệnh (nếu có) cho người sử dụng hàng cứu trợ bị ảnh hưởng sức khỏe do hành vi vi phạm nêu trên.

 **Câu 6: Xin hãy cho biết hành vi lợi dụng hình ảnh, thông tin cá nhân, tình trạng của người khuyết tật, tổ chức của người khuyết tật, tổ chức vì người khuyết tật để trục lợi hoặc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ thì hành vi lợi dụng hình ảnh, thông tin cá nhân, tình trạng của người khuyết tật, tổ chức của người khuyết tật, tổ chức vì người khuyết tật để trục lợi hoặc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Đồng thời, buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm nêu trên.

**Câu 7. Xin hãy cho biết hành vi không ưu tiên khám bệnh, chữa bệnh cho một trong các đối tượng: người khuyết tật đặc biệt nặng, người cao tuổi khuyết tật, phụ nữ khuyết tật có thai theo quy định của pháp luật bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định phạm như sau:

 Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Không tư vấn biện pháp phòng ngừa và phát hiện sớm khuyết tật;

- Không ưu tiên khám bệnh, chữa bệnh cho một trong các đối tượng: người khuyết tật đặc biệt nặng, người cao tuổi khuyết tật, phụ nữ khuyết tật có thai theo quy định của pháp luật.

 Như vậy, đối chiếu với quy định trên, hành vi không ưu tiên khám bệnh, chữa bệnh cho một trong các đối tượng: người khuyết tật đặc biệt nặng, người cao tuổi khuyết tật, phụ nữ khuyết tật có thai theo quy định của pháp luật bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng

**Câu 8: Để bảo đảm chất lượng học sinh cũng như giảm thiểu các vấn đề phát sinh khi phải chăm sóc đối với học sinh là người khuyết tật, trường A đã có hành vi không thực hiện ưu tiên tuyển sinh đối với người khuyết tật theo quy định của pháp luật. Xin hãy cho biết hành vi vi phạm của trường A bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Tại khoản 1 Điều 13Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủquy định như sau:

 Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Không bảo đảm các điều kiện dạy và học phù hợp với người khuyết tật theo quy định của pháp luật;

- Không cung cấp phương tiện, tài liệu hỗ trợ học tập dành riêng cho người khuyết tật theo quy định của pháp luật;

- Không cho phép người khuyết tật được miễn, giảm một số môn học hoặc nội dung và hoạt động giáo dục mà khả năng của người khuyết tật không thể đáp ứng;

- Từ chối người khuyết tật nhập học ở độ tuổi cao hơn theo quy định của pháp luật;

- Đặt ra điều kiện tuyển sinh có nội dung hạn chế người khuyết tật, trừ một số trường hợp theo quy định của pháp luật;

- Không thực hiện ưu tiên tuyển sinh đối với người khuyết tật theo quy định của pháp luật;

- Cản trở quyền học tập của người khuyết tật.

Như vây, đối chiếu với quy định trên, hành vi không thực hiện ưu tiên tuyển sinh đối với người khuyết tật theo quy định của pháp luật của trường A sẽ bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

**Câu 9: Xin hãy cho biết hành vi không cấp văn bằng, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo khi người khuyết tật có đủ điều kiện được cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định của pháp luật bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Không duy trì các điều kiện bảo đảm hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định cho người khuyết tật sau khi tổ chức hoạt động đào tạo từ 06 tháng trở lên;

- Không có đủ chương trình, giáo trình, đội ngũ nhà giáo và không bảo đảm hình thức, thời gian đào tạo phù hợp với người khuyết tật;

- Không cấp văn bằng, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo khi người khuyết tật có đủ điều kiện được cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định của pháp luật.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên, hành vi không cấp văn bằng, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo khi người khuyết tật có đủ điều kiện được cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định của pháp luật sẽ bị phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

**Câu 10: Xin hãy cho biết hành vi cản trở người cao tuổi sống chung với con, cháu hoặc sống riêng bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định như sau:

 Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Cản trở người cao tuổi sống chung với con, cháu hoặc sống riêng;

- Cản trở người cao tuổi thực hiện quyền về sở hữu tài sản, quyền tham gia hoạt động văn hóa, giáo dục, thể dục, thể thao, giải trí, du lịch, nghỉ ngơi và các quyền hợp pháp khác;

- Không miễn các khoản đóng góp cho các hoạt động xã hội đối với người cao tuổi;

- Không ưu tiên người cao tuổi nhận tiền, hiện vật cứu trợ, chăm sóc sức khỏe và chỗ ở nhằm khắc phục khó khăn ban đầu khi người cao tuổi gặp khó khăn do hậu quả thiên tai hoặc rủi ro bất khả kháng khác;

- Không thực hiện chi trả khoản tiền hỗ trợ của Nhà nước cho người cao tuổi theo quy định.

 Như vậy, đối chiếu với quy định trên, hành vi cản trở người cao tuổi sống chung với con, cháu hoặc sống riêng sẽ bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

**Câu 11: Xin hãy cho biết hành vi không thực hiện đầy đủ cam kết theo hợp đồng dịch vụ đã ký kết để chăm sóc người cao tuổi theo quy định của pháp luật bi xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Tại khoản 1 Điều 19Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủquy định như sau:

 Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Không thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, phụng dưỡng người cao tuổi theo quy định của pháp luật;

- Không thực hiện đầy đủ cam kết theo hợp đồng dịch vụ đã ký kết để chăm sóc người cao tuổi theo quy định của pháp luật;

- Lợi dụng việc chăm sóc, phụng dưỡng người cao tuổi để trục lợi.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên, hành vi không thực hiện đầy đủ cam kết theo hợp đồng dịch vụ đã ký kết để chăm sóc người cao tuổi theo quy định của pháp luật bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Đồng thời buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi trên.

 **Câu 12: Để răn đe và buộc các em học sinh nghe lời, nên cô giáo A đã có hành vi dọa nạt, thường xuyên đe dọa trẻ em bằng các hình ảnh, âm thanh, con vật, đồ vật làm trẻ em sợ hãi, tổn hại về tinh thần. Xin hãy cho biết đối với hành vi của cô giáo A sẽ bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Tại Khoản Điều 22 Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủquy định như sau:

 Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Bắt nhịn ăn, nhịn uống, không cho hoặc hạn chế vệ sinh cá nhân; bắt sống ở nơi có môi trường độc hại, nguy hiểm hoặc các hình thức đối xử tồi tệ khác với trẻ em;

- Gây tổn hại về tinh thần, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, lăng mạ, chửi mắng, đe dọa, cách ly ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ em;

- Cô lập, xua đuổi hoặc dùng các biện pháp trừng phạt để dạy trẻ em gây tổn hại về thể chất, tinh thần của trẻ em;

- Thường xuyên đe dọa trẻ em bằng các hình ảnh, âm thanh, con vật, đồ vật làm trẻ em sợ hãi, tổn hại về tinh thần.

 Đối chiếu với quy định nêu trên, hành vi thường xuyên đe dọa trẻ em bằng các hình ảnh, âm thanh, con vật, đồ vật làm trẻ em sợ hãi, tổn hại về tinh thần của cô giáo A bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Đồng thời cô giáo A buộc chịu mọi chi phí để khám bệnh, chữa bệnh (nếu có) cho trẻ em đối với hành vi vi phạm và buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe trẻ em đối với hành vi vi phạm nêu trên.

 **Câu 13. Xin hãy cho biết hành vi tổ chức, ép buộc trẻ em đi xin ăn sẽ bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo khoản 2 Điều 23Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định như sau:

 Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Tổ chức, ép buộc trẻ em đi xin ăn;

- Cho thuê, cho mượn trẻ em hoặc sử dụng trẻ em để xin ăn.

Đối chiếu với quy định nêu trên, hành vi tổ chức, ép buộc trẻ em đi xin ăn bị phạt tiền từ10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Đồng thời buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm và buộc chịu mọi chi phí để khám bệnh, chữa bệnh (nếu có) cho trẻ em đối với hành vi vi phạm nêu trên.

**Câu 14: Xin hãy cho biết hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh, tư vấn và hỗ trợ trẻ em trong chăm sóc sức khỏe sinh sấn, sức khỏe tình dục bị sử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Tại khoản 1 Điều 25Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủquy định như sau:

 Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Không thực hiện trách nhiệm bảo đảm chế độ dinh dưỡng phù hợp với sự phát triển thể chất, tinh thần của trẻ em theo từng độ tuổi;

- Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh, tư vấn và hỗ trợ trẻ em trong chăm sóc sức khỏe sinh sấn, sức khỏe tình dục.

 Như vậy, đối chiếu với quy định trên, hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh, tư vấn và hỗ trợ trẻ em trong chăm sóc sức khỏe sinh sấn, sức khỏe tình dục bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

 **Câu 15: Xin hãy cho biết hành vi không bảo đảm thời gian, điều kiện học tập cho trẻ em bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo khoản 1 Điều 26Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủquy định như sau:

 Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Hủy hoại sách, vở, đồ dùng học tập của trẻ em;

- Cố ý không thực hiện nghĩa vụ đóng góp cho việc học tập của trẻ em theo quy định của pháp luật;

- Không bảo đảm thời gian, điều kiện học tập cho trẻ em.

 Như vậy, đối chiếu với quy định trên, hành vi không bảo đảm thời gian, điều kiện học tập cho trẻ em bị phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

 **Câu 16:** **Xin hãy cho biết hành vi vi phạm quy định về tham gia giao thông dành cho người khuyết tật, người cao tuổi bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Tại Điều 15 Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủquy định như sau:

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Không ưu tiên bán vé cho người khuyết tật, người cao tuổi;

- Người có trách nhiệm theo quy định của pháp luật mà không giúp đỡ, sắp xếp chỗ ngồi thuận tiện cho người khuyết tật, người cao tuổi;

- Từ chối chuyên chở người khuyết tật hoặc từ chối chuyên chở phương tiện, thiết bị hỗ trợ phù hợp của người khuyết tật bằng phương tiện giao thông công cộng.

 **Câu 17: Xin hãy cho biết hành vi trả thù, đe dọa người giúp đỡ người cao tuổi, người phát hiện, báo tin ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật đối với người cao tuổi bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủquy định như sau:

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Cưỡng ép người khác thực hiện hành vi vi phạm pháp luật đối với người khuyết tật, người cao tuổi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Ép buộc người cao tuổi làm những việc trái quy định của pháp luật mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Trả thù, đe dọa người giúp đỡ người cao tuổi, người phát hiện, báo tin ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật đối với người cao tuổi.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên, hành vi trả thù, đe dọa người giúp đỡ người cao tuổi, người phát hiện, báo tin ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật đối với người cao tuổi bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

**Câu 18: Xin hãy cho biết hành vi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em trừ trường hợp bị buộc phải tạm thời cách ly trẻ em hoặc trẻ em được chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủquy định như sau:

 Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em trừ trường hợp bị buộc phải tạm thời cách ly trẻ em hoặc trẻ em được chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật;

- Cha mẹ, người chăm sóc trẻ em không quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em, không thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em hoặc bỏ mặc trẻ em tự sinh sống, cắt đứt quan hệ tình cảm và vật chất với trẻ em hoặc ép buộc trẻ em không sống cùng gia đình, trừ trường hợp bị buộc phải tạm thời cách ly trẻ em hoặc trẻ em được chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên, việc cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em trừ trường hợp bị buộc phải tạm thời cách ly trẻ em hoặc trẻ em được chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

 **Câu 19. Xin hãy cho biết hành vi xúi giục, kích động trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủquy định như sau:

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Sử dụng trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Rủ rê trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Xúi giục, kích động trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Ép buộc trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên, hành vi xúi giục, kích động trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Đồng thời buộc chịu mọi chi phí khám bệnh, chữa bệnh (nếu có) cho trẻ em đối với hành vi vi phạm nêu trên.

**Câu 20: Xin hãy cho biết hành vi cản trở trẻ em tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành, nhu cầu, năng lực của trẻ em, trừ trường hợp vì lợi ích tốt nhất của trẻ em bị xử phạt** **như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủquy định như sau:

 Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Cản trở trẻ em tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành, nhu cầu, năng lực của trẻ em, trừ trường hợp vì lợi ích tốt nhất của trẻ em;

- Cản trở trẻ em bày tỏ ý kiến, nguyện vọng và tham gia vào các vấn đề về trẻ em;

- Cản trở quyền giữ gìn, phát huy bản sắc;

 -Cản trở quyền vui chơi, giải trí, tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch theo quy định của pháp luật.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên, hành vi cản trở trẻ em tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành, nhu cầu, năng lực của trẻ em, trừ trường hợp vì lợi ích tốt nhất của trẻ em bị phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

 **Câu 21: Xin hãy cho biết hành vi không công khai, công khai không chính xác thông tin về kế hoạch học tập và rèn luyện, chế độ nuôi dưỡng và các khoản đóng góp theo quy định bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủquy định như sau:

 Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Ép buộc, trù dập khi trẻ em bày tỏ ý kiến, nguyện vọng và tham gia vào các vấn đề về trẻ em;

- Không tôn trọng, lắng nghe, xem xét, phản hồi, giải thích ý kiến, nguyện vọng của trẻ em;

- Không tiếp nhận, giải quyết, phản hồi ý kiến, kiến nghị, nguyện vọng của trẻ em, tổ chức đại diện tiếng nói nguyện vọng của trẻ em theo quy định;

- Không công khai, công khai không chính xác thông tin về kế hoạch học tập và rèn luyện, chế độ nuôi dưỡng và các khoản đóng góp theo quy định.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên, hành vi không công khai, công khai không chính xác thông tin về kế hoạch học tập và rèn luyện, chế độ nuôi dưỡng và các khoản đóng góp theo quy định. Đồng thời buộc thực hiện công khai chính xác thông tin theo quy định, buộc cải chính thông tin sai sự thật đối với hành vi vi phạm nêu trên.

**Câu 22:** **Xin hãy cho biết hành vi ngăn cản việc cung cấp thông tin về trẻ em có nguy cơ bị bóc lột, bị bạo lực và có nguy cơ bị xâm hại khác cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền bị xử phạt** **như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Tại khoản 1 Điều 28Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủquy định như sau:

 Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Không thông báo, không cung cấp hoặc che giấu thông tin về trẻ em có nguy cơ bị bóc lột, bị bạo lực và có nguy cơ bị xâm hại khác cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền;

- Ngăn cản việc cung cấp thông tin về trẻ em có nguy cơ bị bóc lột, bị bạo lực và có nguy cơ bị xâm hại khác cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên, hành vingăn cản việc cung cấp thông tin về trẻ em có nguy cơ bị bóc lột, bị bạo lực và có nguy cơ bị xâm hại khác cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền sẽ bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

**Câu 23. Xin hãy cho biết hành vi cung cấp sản phẩm, dịch vụ không an toàn, không thân thiện, gây tổn hại cho trẻ em bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Tại khoản 1 Điều 29Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định như sau:

Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- Cung cấp sản phẩm, dịch vụ không an toàn, không thân thiện, gây tổn hại cho trẻ em;

- Bán chất gây nghiện, chất kích thích khác, thực phẩm không bảo đảm an toàn, có hại cho trẻ em;

- Cho trẻ em sử dụng chất gây nghiện, chất kích thích khác, thực phẩm không bảo đảm an toàn, có hại cho trẻ em.

Như vậy, đối chiếu với quy định nêu trên, hành vi cung cấp sản phẩm, dịch vụ không an toàn, không thân thiện, gây tổn hại cho trẻ em bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Đồng thời bị tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm và buộc tiêu hủy sản phẩm, thực phẩm không an toàn, có hại cho trẻ em, buộc chịu mọi chi phí khám bệnh, chữa bệnh (nếu có) cho trẻ em đối với hành vi vi phạm nêu trên.

 **Câu 24: Xin hãy cho biết pháp luật quy định như thế nào về một trong các hành vi sản xuất, xuất bản, sao chép, lưu hành, vận hành, phát tán, sở hữu, vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh xuất bản phẩm, đồ chơi, trò chơi và những sản phẩm khác phục vụ đối tượng trẻ em nhưng có nội dung ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của trẻ em?**

Theo khoản 2 Điều 30Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủquy định phạt tiền đối với một trong các hành vi sản xuất, xuất bản, sao chép, lưu hành, vận hành, phát tán, sở hữu, vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh xuất bản phẩm, đồ chơi, trò chơi và những sản phẩm khác phục vụ đối tượng trẻ em nhưng có nội dung ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của trẻ em, theo một trong các mức sau đây:

- Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng khi vi phạm từ 01 sản phẩm đến dưới 10 sản phẩm;

- Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng khi vi phạm từ 10 sản phẩm đến dưới 50 sản phẩm;

- Từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng khi vi phạm từ 50 sản phẩm đến dưới 100 sản phẩm;

- Từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng khi vi phạm từ 100 sản phẩm đến dưới 200 sản phẩm;

- Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng khi vi phạm từ 200 sản phẩm đến dưới 500 sản phẩm;

- Từ 30.000.000 đồng đến 40.00.000 đồng khi vi phạm từ 500 sản phẩm đến dưới 1.000 sản phẩm;

- Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng khi vi phạm từ 1.000 sản phẩm trở lên.

 Đồng thời, bị tịch thu xuất bản phẩm, ấn phẩm, đồ chơi, trò chơi và những sản phẩm khác phục vụ đối tượng trẻ em đối với hành vi vi phạm; buộc thu hồi ấn phẩm, đồ chơi, báo in và xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm nêu trên.

**Câu 25: Xin hãy cho biết hành vi không thông báo, cảnh báo những nơi nguy hiểm, độc hại, dễ cháy, nổ, điện giật, rơi, ngã và các nguy cơ khác dẫn đến tai nạn, thương tích cho trẻ em bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Tại khoản 1 Điều 35Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủquy định như sau:

 Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Không thông báo, cảnh báo những nơi nguy hiểm, độc hại, dễ cháy, nổ, điện giật, rơi, ngã và các nguy cơ khác dẫn đến tai nạn, thương tích cho trẻ em;

- Không tuân thủ đầy đủ, kịp thời các biện pháp bảo đảm an toàn về sản xuất, kinh doanh, lưu hành các phương tiện giao thông vận tải dẫn đến tai nạn, thương tích cho trẻ em.

 Như vây, đối chiếu với các quy định trên, hành vi không thông báo, cảnh báo những nơi nguy hiểm, độc hại, dễ cháy, nổ, điện giật, rơi, ngã và các nguy cơ khác dẫn đến tai nạn, thương tích cho trẻ em sẽ bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Đồng thời buộc thực hiện kịp thời các biện pháp để khắc phục tình trạng thiếu an toàn đối với hành vi vi phạm nêu trên.

 **Câu 26: Xin hãy cho biết hành vi không sử dụng các biện pháp, công cụ bảo đảm an toàn về thông tin bí mật đời sống riêng tư của trẻ em; không gửi các thông điệp cảnh báo nguy cơ khi trẻ em cung cấp, thay đổi thông tin bí mật đời sống riêng tư của trẻ em bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

Theo khoản 2 Điều 36Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định như sau:

 Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm khi kinh doanh, cung cấp dịch vụ trên môi trường mạng:

- Cung cấp, chia sẻ thông tin, dịch vụ gây hại cho trẻ em, thông tin, dịch vụ giả mạo, độc hại, khiêu dâm, bạo lực, xúi giục tự tử, xuyên tạc, đe dọa, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em;

- Không cảnh báo hoặc gỡ bỏ thông tin, dịch vụ gây hại cho trẻ em, thông tin, dịch vụ giả mạo, độc hại, khiêu dâm, bạo lực, xúi giục tự tử, xuyên tạc, đe dọa, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em;

- Không sử dụng các biện pháp, công cụ bảo đảm an toàn về thông tin bí mật đời sống riêng tư của trẻ em; không gửi các thông điệp cảnh báo nguy cơ khi trẻ em cung cấp, thay đổi thông tin bí mật đời sống riêng tư của trẻ em;

- Không thực hiện yêu cầu xóa, gỡ bỏ các thông tin cá nhân của trẻ em khi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em, người giám hộ của trẻ em hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền bảo vệ trẻ em yêu cầu;

- Không tổ chức tiếp nhận thông tin, đánh giá phân loại theo mức độ an toàn cho trẻ em được các cơ quan, tổ chức, cá nhân và trẻ em gửi tới;

- Không công bố danh sách các mạng thông tin, dịch vụ, sản phẩm trực tuyến theo mức độ an toàn đối với trẻ em;

- Không thực hiện việc phát hiện, loại bỏ các hình ảnh, tài liệu, thông tin không phù hợp với trẻ em, ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của trẻ em;

- Không hướng dẫn sử dụng các dịch vụ, thiết bị công nghệ thông tin để bảo vệ trẻ em;

- Không có biện pháp bảo vệ người tiếp cận thông tin, sử dụng dịch vụ là trẻ em.

 Như vậy, đối chiếu với quy định trên, hành vi không sử dụng các biện pháp, công cụ bảo đảm an toàn về thông tin bí mật đời sống riêng tư của trẻ em; không gửi các thông điệp cảnh báo nguy cơ khi trẻ em cung cấp, thay đổi thông tin bí mật đời sống riêng tư của trẻ em sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Đồng thời bị tước quyền sử dụng giấy phép đối với hành vi vi phạm; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm và buộc xóa, gỡ bỏ các thông tin cá nhân của trẻ em đối với hành vi vi phạm nêu trên.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*26 câu hỏi đáp, tình huống pháp luật về chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Văn bản sử dụng: Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24/01/2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn*

**Câu 1: Việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn được thực hiện theo nguyên tắc nào?**

Căn cứ Điều 3 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP thì việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

 - Kịp thời, công khai, khách quan, công bằng; đúng thẩm quyền, đối tượng, trình tự, thủ tục quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định này.

 - Không xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người vi phạm.

 - Tôn trọng và bảo vệ bí mật cá nhân của người vi phạm.

 - Người có thẩm quyền áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có trách nhiệm chứng minh vi phạm hành chính. Cá nhân bị xem xét áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

 - Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong cộng đồng, nhà trường và gia đình trong việc giúp đỡ, giáo dục người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

 - Việc quyết định thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, nhân thân người vi phạm, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng.

 - Chỉ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên trong trường hợp cần thiết nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

 Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về một trong các hành vi gây rối trật tự công cộng, trộm cắp tài sản, đánh bạc, lừa đảo, đua xe trái phép; người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về một trong các hành vi xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, chiếm giữ trái phép tài sản, hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác, gây rối trật tự công cộng, trộm cắp tài sản, đánh bạc, lừa đảo, đua xe trái phép nhưng không phải là tội phạm; người từ đủ 14 tuổi trở lên đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy chỉ quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn khi không đủ điều kiện áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình. Việc áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình không được coi là đã bị xử lý vi phạm hành chính.

 - Trong quá trình xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính phải bảo đảm lợi ích tốt nhất cho họ.

**Câu 2: Theo quy định của pháp luật, các biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được áp dụng cho đối tượng nào?**

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP thì các biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật Hình sự.

2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật Hình sự.

3. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về một trong các hành vi gây rối trật tự công cộng, trộm cắp tài sản, đánh bạc, lừa đảo, đua xe trái phép.

4. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về một trong các hành vi xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, chiếm giữ trái phép tải sản, hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác, gây rối trật tự công cộng, trộm cắp tài sản, đánh bạc, lừa đảo, đua xe trái phép nhưng không phải là tội phạm.

5. Người từ đủ 14 tuổi trở lên đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

6. Người từ đủ 18 tuổi trở lên đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về một trong các hành vi xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, chiếm giữ trái phép tài sản, hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác, gây rối trật tự công cộng, trộm cắp tài sản, đánh bạc, lừa đảo, đua xe trái phép, ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình nhưng không phải là tội phạm.

 Các biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn không áp dụng đối với người nước ngoài.

**Câu 3: Anh A do sử dụng trái phép chất ma túy nên bị công an bắt. Được biết tại thời điểm thực hiện hành vi anh A mới 16 tuổi. Vậy theo quy định của pháp luật để được áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình, anh A và gia đình phải đáp ứng đủ các điều kiện nào?**

Căn cứ khoản 1 Điều 6 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP, để được áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình đối với trường hợp vi phạm của anh A thì phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

 - Anh A tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi về hành vi vi phạm của mình;

 - Gia đình anh A có nguồn thu nhập ổn định; có chỗ ở để người chưa thành niên sống cùng cha, mẹ hoặc người giám hộ; có điều kiện phối hợp với cá nhân, cơ quan, tổ chức hữu quan trong việc giáo dục, quản lý người chưa thành niên;

 - Cha, mẹ hoặc người giám hộ của anh A có nhân thân tốt, tự nguyện nhận trách nhiệm quản lý người chưa thành niên tại gia đình; có thời gian để giáo dục, quản lý, động viên, khuyến khích, tạo điều kiện để người chưa thành niên tham gia các chương trình học tập hoặc dạy nghề; các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống phù hợp được tổ chức tại địa phương;

 - Có bản cam kết của cha, mẹ hoặc người giám hộ của anh A.

**Câu 4: Theo quy định của pháp luật, chủ thể nào có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và biện pháp quản lý tại gia đình?**

 Căn cứ Điều 7 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP thì chủ thể có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và biện pháp quản lý tại gia đình, bao gồm:

 1. Người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm:

 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi người vi phạm cư trú;

 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở bảo trợ xã hội tiếp nhận người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định đặt trụ sở;

 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phát hiện người từ đủ 18 tuổi trở lên có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy lần cuối, không có nơi cư trú ổn định.

 2. Người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chưa thành niên cư trú.

**Câu 5: Theo quy định của pháp luật, những trường hợp nào phải ban hành quyết định hủy bỏ toàn bộ nội dung quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn?**

Căn cứ khoản 1 Điều 8 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP thì những trường hợp phải ban hành quyết định hủy bỏ toàn bộ nội dung quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm:

 - Không đúng đối tượng áp dụng;

 - Vi phạm quy định về thẩm quyền ban hành quyết định;

 - Vi phạm quy định về thủ tục ban hành quyết định;

 - Giữ lại vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để xử lý vi phạm hành chính.

 - Áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả không đúng, không đầy đủ đối với hành vi vi phạm hành chính.

 - Giả mạo, làm sai lệch hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

 - Trường hợp đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nếu sau đó phát hiện hành vi vi phạm của người bị áp dụng biện pháp này có dấu hiệu tội phạm mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự,

 - Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ đó và người được tạm đình chỉ không thuộc một trong các trường hợp sau: (i) Có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án hoặc được Tòa án tuyên không phạm tội; (ii)Tòa án không xử phạt tù.

**Câu 6: Pháp luật quy định sau thời hạn bao lâu thì được coi là chưa bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn?**

 Cá nhân bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, nếu trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định hoặc 01 năm, kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định mà không tái phạm, thì được coi là chưa bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn (khoản 1 Điều 11 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP)

 Người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, nếu trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định mà không tái phạm thì được coi là chưa bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. (khoản 2 Điều 11 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP)

**Câu 7: Theo quy định của pháp luật, các hoạt động nào trong quá trình áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được Nhà nước hỗ trợ kinh phí?**

 Các hoạt động trong quá trình áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được Nhà nước hỗ trợ kinh phí gồm: (Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP)

 - Chi phí xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

 - Chi phí xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể và xác định tình trạng nghiện;

 - Chi phí tổ chức cuộc họp tư vấn;

 - Chi phí cho việc chuyển giao đối tượng về nơi cư trú hoặc đến cơ sở bảo trợ xã hội;

 - Chi phí cho việc tổ chức quản lý đối với trường hợp người từ đủ 18 tuổi trở lên có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy không có nơi cư trú ổn định;

 - Chi phí cho việc tổ chức giáo dục, quản lý người chưa thành niên tại các cơ sở bảo trợ xã hội;

 - Chi phí hỗ trợ cho người được phân công giúp đỡ người được giáo dục. Mức kinh phí hỗ trợ cho người được phân công giúp đỡ người được giáo dục tối thiểu là 360.000 đồng/tháng;

 - Chi phí cho công tác quản lý việc thi hành pháp luật về áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

 - Các chi phí cần thiết khác.

 **Câu 8: Theo quy định của pháp luật, những thông tin, tài liệu nào cần được thu thập để lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn?**

Những thông tin, tài liệu cần thiết để để lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm: (khoản 1 Điều 15 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP)

 - Thông tin, tài liệu về hành vi vi phạm;

 - Tài liệu về việc xác định độ tuổi;

 - Tài liệu về việc xác minh nơi cư trú;

 - Tài liệu về kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể hoặc kết quả xác định tình trạng nghiện đối với trường hợp người từ đủ 14 tuổi trở lên đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy

 - Thông tin và tài liệu khác có liên quan (nếu có).

 Đối với người chưa thành niên, ngoài các thông tin, tài liệu nêu trên, trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm:

 - Thu thập thêm thông tin về hoàn cảnh gia đình, quan hệ bạn bè và hoàn cảnh dẫn đến vi phạm;

 - Lấy ý kiến nhận xét của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người chưa thành niên đang học tập, làm việc (nếu có);

 - Lấy ý kiến của cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên, trừ trường hợp người chưa thành niên được chuyển đến cơ sở bảo trợ xã hội.

 Người có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị có trách nhiệm thu thập các thông tin, tài liệu nêu trên. Thông tin thu thập được phải thể hiện bằng văn bản.

 Công chức tư pháp - hộ tịch, công chức văn hóa - xã hội chuyên trách theo dõi về lao động - thương binh và xã hội, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, cộng tác viên công tác xã hội, cộng tác viên bảo vệ trẻ em (nếu có), cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên, nhà trường, cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu hoặc có ý kiến bằng văn bản theo đề nghị của cơ quan công an trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị.

**Câu 9: Theo quy định của pháp luật, việc** **chấm dứt việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được thực hiện như thế nào?**

 Việc chấm dứt việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được thực hiện theo Điều 41 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP, cụ thể:

 1. Người được giáo dục đã chấp hành ít nhất 1/2 (một phần hai) thời gian giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà không tiến bộ, tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm thuộc trường hợp bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn ra quyết định chấm dứt việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải ra quyết định chấm dứt việc áp dụng biện pháp và xử lý như sau:

 - Người từ đủ 12 tuổi trở lên đang trong thời gian chấp hành biện pháp mà bị xác định là nghiện ma túy thuộc trường hợp quy định tại các Điều 30, 31 và 33 Luật Phòng, chống ma túy thì thực hiện việc cai nghiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy;

 - Người từ đủ 18 tuổi trở lên đang trong thời gian chấp hành biện pháp mà bị xác định là nghiện ma túy thuộc trường hợp áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Điều 32 Luật Phòng, chống ma túy, thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

 **Câu 10: Theo quy định của pháp luật, việc phối hợp giám sát người chưa thành niên được áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình được thực hiện như thế nào?**

Hoạt động phối hợp giám sát người chưa thành niên được áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình được thực hiện theo Điều 44 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP, cụ thể:

 1. Gia đình của người chưa thành niên có trách nhiệm sau:

 - Quản lý, giám sát người chưa thành niên;

 - Quan tâm, tạo điều kiện cho người chưa thành niên được đi học, tham gia các chương trình học tập, dạy nghề khác, các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống phù hợp được tổ chức tại địa phương;

 - Định kỳ hằng tháng báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về tình hình quản lý, giám sát người chưa thành niên;

 - Phối hợp với tổ chức, cá nhân được phân công phối hợp giám sát thực hiện kế hoạch giám sát người chưa thành niên.

 2. Tổ chức được phân công phối hợp giám sát có trách nhiệm phân công người trực tiếp phối hợp với gia đình để quản lý, giám sát người chưa thành niên.

 3. Cá nhân được tổ chức phân công, cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao trách nhiệm phối hợp giám sát phải phối hợp cùng với gia đình người chưa thành niên thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

 - Xây dựng và thực hiện kế hoạch để giám sát người chưa thành niên. Kế hoạch phối hợp giám sát gồm các biện pháp hướng dẫn, hỗ trợ giám sát cụ thể, thời hạn thực hiện và phải được gửi cho tổ chức được phân công phối hợp giám sát và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

 - Giới thiệu tham gia các chương trình học tập, hướng nghiệp, dạy nghề, tìm việc làm; các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống tại cộng đồng được tổ chức tại địa phương;

 - Giúp đỡ, động viên người chưa thành niên sửa chữa sai phạm.

**Câu 11: Chị C là người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình do hành vi trộm cắp. Vậy theo quy định của pháp luật, chị C có các quyền và nghĩa vụ nào trong thời gian áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình?**

Căn cứ khoản 1 Điều 45 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP, chị C có các quyền sau:

 - Được học tập, sinh hoạt tại nơi cư trú;

 - Không bị phân biệt đối xử;

 - Được tham gia các chương trình học tập hoặc dạy nghề; các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống phù hợp được tổ chức tại địa phương;

 - Được các cơ sở giáo dục xem xét, tiếp nhận học tập;

 - Được áp dụng các biện pháp hỗ trợ, bảo vệ phù hợp theo quy định của pháp luật;

 - Được vắng mặt tại nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú theo quy định;

 - Khiếu nại, khởi kiện quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình và các hành vi hành chính khác trong quá trình chấp hành quyết định.

 Căn cứ khoản 2 Điều 45 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP, chị C có các nghĩa vụ sau:

 - Chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước;

 - Tích cực học tập, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, nội quy, quy định của địa phương nơi cư trú;

 - Chịu sự giáo dục, quản lý, giám sát của gia đình, nhà trường và người được phân công phối hợp giám sát.

**Câu 12: Theo quy định của pháp luật, việc gửi hồ sơ và thông báo về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được thực hiện như thế nào?**

 Việc gửi hồ sơ và thông báo về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được thực hiện theo Điều 21 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP, cụ thể:

 1. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ, người có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải thông báo ngay bằng văn bản về việc lập hồ sơ cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp hoặc cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên. Người có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

 2. Văn bản thông báo về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm các nội dung cơ bản sau đây:

 - Họ, tên người vi phạm;

 - Lý do lập hồ sơ đề nghị;

 - Quyền đọc, ghi chép những nội dung cần thiết trong hồ sơ của người nhận được thông báo; địa điểm, thời hạn đọc, ghi chép;

 - Quyền phát biểu ý kiến về hồ sơ đề nghị tại cuộc họp tư vấn.

 3. Việc đọc, ghi chép các nội dung cần thiết của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 97 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

 4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc, ghi chép các nội dung cần thiết, tùy từng trường hợp cụ thể, người có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gửi hồ sơ đến một trong các chủ thể sau:

 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng cư trú;

 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở bảo trợ xã hội đóng trụ sở đối với đối tượng không có nơi cư trú ổn định;

 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phát hiện đối tượng là người từ đủ 18 tuổi trở lên có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy lần cuối đối với đối tượng không có nơi cư trú ổn định

**Câu 13: Theo quy định của pháp luật, những thành phần nào sẽ tham gia cuộc họp tư vấn xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn?**

 Căn cứ khoản 2 Điều 22 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP thì thành phần tham gia cuộc họp tư vấn xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm có:

 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

 - Trưởng Công an cấp xã;

 - Công chức tư pháp - hộ tịch;

 - Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội cùng cấp có liên quan, đại diện dân cư ở cơ sở;

 - Trường hợp người bị đề nghị áp dụng biện pháp là người chưa thành niên, thì ngoài những thành phần nêu trên, phải có sự tham gia của công chức văn hóa - xã hội, cộng tác viên công tác xã hội hoặc cộng tác viên trẻ em (nếu có); đại diện nhà trường (nếu có); đối với người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định đang ở tại cơ sở bảo trợ xã hội, thì phải có đại diện của cơ sở đó;

 - Trường hợp cần thiết, có thể mời đại diện tổ hòa giải, cơ quan Công an nơi đã chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn tham dự.

 Ngoài những thành phần nêu trên, những người sau sẽ được mời tham dự cuộc họp tư vấn: (khoản 3 Điều 22 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP)

 - Người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

 - Cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên;

 - Người bị hại (nếu có);

 - Người đại diện hợp pháp tham gia bảo vệ quyền, lợi ích của đối tượng (nếu có).

 Việc mời những người tham gia cuộc họp được thể hiện bằng văn bản và phải được gửi trước khi tổ chức cuộc họp ít nhất là 03 ngày làm việc. Những người được mời tham gia cuộc họp phải được phát biểu ý kiến tại cuộc họp. Trường hợp người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn không tham dự được, thì có thể gửi ý kiến bằng văn bản.

 Cuộc họp tư vấn xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn sẽ được hoãn trong trường hợp cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên không tham dự được mà có lý do chính đáng. Cuộc họp tư vấn được hoãn không quá 02 lần, mỗi lần hoãn không quá 02 ngày làm việc, thời gian hoãn không tính vào thời gian xem xét, ra quyết định áp dụng biện pháp này. rường hợp cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên vẫn không thu xếp tham dự cuộc họp sau thời gian hoãn nêu trên do không có mặt tại địa phương, điều kiện sức khỏe hoặc lý do chính đáng khác thì phải có trách nhiệm cử người đại diện cho gia đình tham dự cuộc họp.

**Câu 14: Theo quy định của pháp luật, đề nghị áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình được thực hiện như thế nào?**

Đề nghị áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình được thực hiện theo Điều 24 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP, cụ thể:

 1. Biện pháp quản lý tại gia đình được xem xét áp dụng trong các giai đoạn sau đây:

 - Xem xét đề nghị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

 - Thu thập thông tin, tài liệu để lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

 - Xử lý hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn từ nơi khác chuyển đến;

 - Sau khi kết thúc cuộc họp tư vấn xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

 2. Để được áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình, cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên phải lập bản cam kết gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

 - Bảo đảm các điều kiện về nguồn thu nhập gia đình, có chỗ ở để người chưa thành niên sống cùng cha, mẹ hoặc người giám hộ; có điều kiện phối hợp với cá nhân, cơ quan, tổ chức hữu quan trong việc giáo dục, quản lý người chưa thành niên; Cha, mẹ hoặc người giám hộ có nhân thân tốt, tự nguyện nhận trách nhiệm quản lý người chưa thành niên tại gia đình; có thời gian để giáo dục, quản lý, động viên, khuyến khích, tạo điều kiện để người chưa thành niên tham gia các chương trình học tập hoặc dạy nghề; các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống phù hợp được tổ chức tại địa phương;

 - Phối hợp chặt chẽ với tổ chức, cá nhân được phân công giám sát để giáo dục, quản lý người chưa thành niên;

 - Báo cáo theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về tình hình quản lý người chưa thành niên;

 - Thực hiện tốt việc giáo dục, quản lý để người chưa thành niên không vi phạm pháp luật.

 3. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình gồm có:

 - Văn bản đề nghị của người có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị, trong đó nêu rõ thông tin về nhân thân của người chưa thành niên; đề xuất áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình; lý do đề nghị áp dụng; dự kiến thời hạn áp dụng và tên tổ chức, cá nhân phối hợp cùng gia đình trong việc giám sát người chưa thành niên;

 - Hồ sơ của người chưa thành niên vi phạm pháp luật;

 - Văn bản cam kết của cha, mẹ hoặc người giám hộ;

 - Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

**Câu 15: Theo quy định của pháp luật, việc ra quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình và quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được thực hiện như thế nào**

 Việc ra quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình và quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được thực hiện theo Điều 25 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP, cụ thể:

 **1**. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình của Trưởng Công an cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định:

 - Áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình;

 - Chuyển lại để lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trong trường hợp không đồng ý với đề nghị của Trưởng Công an cùng cấp trong giai đoạn xem xét đề nghị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; thu thập thông tin, tài liệu để lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; hoặc xử lý hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn từ nơi khác chuyển đến

 2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp tư vấn xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét ra một trong các quyết định sau đây:

 - Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

 - Quyết định không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

 - Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình đối với người chưa thành niên.

**Câu 16: Theo quy định của pháp luật, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn bao gồm những nội dung nào?**

 Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm các nội dung cơ bản sau đây: (Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 12/2021/NĐ-CP)

 - Ngày, tháng, năm ra quyết định;

 - Họ, tên, chức vụ của người ra quyết định;

 - Họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của đối tượng được giáo dục;

 - Hành vi vi phạm pháp luật; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng;

 - Tên và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức được giao giáo dục, quản lý. Trường hợp đối tượng được giáo dục là người chưa thành niên, thì giao cho cha, mẹ hoặc người giám hộ để phối hợp giáo dục, quản lý. Trường hợp đối tượng được giáo dục là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định, thì giao cho cơ sở bảo trợ xã hội để giáo dục, quản lý. Trường hợp đối tượng được giáo dục là người từ đủ 18 tuổi trở lên có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy không có nơi cư trú ổn định, thì giao cho Công an cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức khác phù hợp tại địa phương để giáo dục, quản lý;

 - Thời hạn áp dụng biện pháp; ngày thi hành quyết định;

 - Quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

 Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ký, quyết định được gửi cho người được giáo dục, gia đình người được giáo dục, cơ quan, tổ chức được giao giáo dục, quản lý, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

 **Câu 17. Theo quy định của pháp luật, quyết định không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn bao gồm những nội dung nào?**

Quyết định không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm các nội dung cơ bản sau đây: (Khoản 1 Điều 27 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP)

 - Ngày, tháng, năm ra quyết định;

 - Họ, tên, chức vụ của người ra quyết định;

 - Họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

 - Hành vi vi phạm pháp luật của người đó; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng;

 - Lý do không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

 Quyết định không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có hiệu lực, quyết định được gửi cho người không bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và gửi cho cá nhân, tổ chức có liên quan. Đối với người chưa thành niên đang ở tại cơ sở bảo trợ xã hội, quyết định được gửi đến cơ sở bảo trợ xã hội và cơ quan đã gửi hồ sơ.

**Câu 18. Theo quy định của pháp luật, quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình bao gồm những nội dung nào?**

Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình gồm các nội dung cơ bản sau đây: (khoản 1 Điều **28 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP)**

 - Ngày, tháng, năm ra quyết định;

 - Họ, tên, chức vụ của người ra quyết định;

 - Họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người chưa thành niên;

 - Lý do áp dụng;

 - Họ, tên, nơi cư trú của cha, mẹ hoặc người giám hộ;

 - Thời hạn áp dụng, ngày thi hành quyết định;

 - Tên tổ chức, cá nhân phối hợp giám sát;

 - Trách nhiệm của người chưa thành niên nếu tiếp tục vi phạm pháp luật;

 - Quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

 Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có hiệu lực, quyết định được gửi cho cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên và tổ chức, cá nhân phối hợp giám sát người chưa thành niên để thực hiện.

**Câu 19. Việc phân công người trực tiếp giúp đỡ người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được thực hiện như thế nào theo quy định pháp luật?**

 Việc phân công người trực tiếp giúp đỡ người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được thực hiện theo Điều 29 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP, cụ thể

1. Việc phân công được thực hiện trên các nguyên tắc sau:

 - Người được phân công giúp đỡ là cộng tác viên công tác xã hội, cộng tác viên trẻ em hoặc người có uy tín trong dòng họ, cộng đồng dân cư hoặc người có kinh nghiệm giáo dục, quản lý người chưa thành niên trong cơ sở bảo trợ xã hội có điều kiện, năng lực và kinh nghiệm giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục;

 - Một người có thể được phân công giáo dục, quản lý, giúp đỡ nhiều người nhưng không quá 03 người cùng một thời điểm. Trường hợp người được phân công giúp đỡ không còn điều kiện giúp đỡ hoặc không hoàn thành trách nhiệm được giao, thì tổ chức được giao trách nhiệm giáo dục, quản lý phải kịp thời phân công người khác thay thế và phải thông báo bằng văn bản đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành hoặc nhận được quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở bảo trợ xã hội phân công một người trực tiếp giáo dục, quản lý, giúp đỡ người được giáo dục.

**Câu 20. Việc lập kế hoạch giáo dục, quản lý, giúp đỡ người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được thực hiện như thế nào theo quy định pháp luật?**

Việc lập kế hoạch giáo dục, quản lý, giúp đỡ người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được thực hiện theo Điều 30 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP, cụ thể:

 1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định phân công người trực tiếp giáo dục, quản lý, giúp đỡ người được giáo dục, căn cứ thời hạn áp dụng biện pháp, người được phân công phải xây dựng kế hoạch giáo dục, quản lý, giúp đỡ người được giáo dục.

 2. Kế hoạch giáo dục, quản lý, giúp đỡ gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

 - Nội dung và hình thức giáo dục;

 - Các biện pháp cụ thể để giám sát, hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ người được giáo dục, thời gian thực hiện, việc phối hợp với gia đình và tổ chức, cá nhân khác có liên quan;

 - Nội dung phối hợp với các cơ quan, tổ chức xã hội liên quan tại địa phương đối với trường hợp người chưa thành niên ở tại cơ sở bảo trợ xã hội;

 - Ý kiến của người đứng đầu tổ chức được giao giáo dục đối với kế hoạch giáo dục, quản lý, giúp đỡ.

 3. Kế hoạch giáo dục, quản lý, giúp đỡ phải được gửi cho người được giáo dục, cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện và gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để lưu hồ sơ thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

**Câu 21: Nội dung và hình thức giáo dục tại xã, phường, thị trấn được quy định như thế nào?**

Căn cứ khoản 1 Điều 31 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP thì việc giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm các nội dung cơ bản sau đây:

 - Phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền, nghĩa vụ của công dân, các quy định của pháp luật liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật của người được giáo dục. Phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy, về tác hại của việc sử dụng ma túy đối với sức khỏe, gia đình và cộng đồng cho đối tượng là người sử dụng trái phép chất ma túy;

 - Giáo dục về kỹ năng sống, hỗ trợ học văn hóa, hướng nghiệp, dạy nghề, hỗ trợ tìm việc làm cho người được giáo dục;

 - Tổ chức cho người được giáo dục tham gia các hoạt động công ích tại cộng đồng với hình thức phù hợp;

 - Giáo dục về truyền thống tốt đẹp của quê hương, đất nước;

 - Các biện pháp bảo vệ, hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật nhằm thúc đẩy việc phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng.

 Căn cứ khoản 2 Điều 31 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP, việc giáo dục tại xã, phường, thị trấn có thể được thực hiện bằng các hình thức cơ bản sau đây:

 - Gặp gỡ trực tiếp gia đình, người được giáo dục;

 - Giới thiệu tham gia các lớp học về kỹ năng sống, các lớp hướng nghiệp, dạy nghề, tìm việc làm;

 - Cung cấp tài liệu giáo dục tại xã, phường, thị trấn và mời chuyên gia, người có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ tham gia giáo dục cho người được giáo dục;

 - Thông báo bằng văn bản về gia đình, người được giáo dục về các biện pháp giáo dục, quản lý;

 - Yêu cầu người được giáo dục làm cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp giáo dục, quản lý;

 - Tổ chức cuộc họp góp ý tại địa bàn dân cư ở cơ sở trong trường hợp cần thiết. Không tổ chức cuộc họp góp ý đối với trường hợp người được giáo dục là người chưa thành niên.

**Câu 22: Anh A là người đang chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Anh A được yêu cầu viết cam kết của mình trong thời gian chấp hành biện pháp xử lý này. Vậy theo quy định của pháp luật, cam kết của A phải bao gồm những nội dung nào?**

Cam kết của anh A phải bao gồm những nội dung quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP, cụ thể

 - Chấp hành nghiêm pháp luật, nghiêm túc sửa chữa sai phạm;

 - Thực hiện tốt nghĩa vụ học tập, tu dưỡng, rèn luyện;

 - Tham gia các chương trình học tập hoặc dạy nghề phù hợp;

 - Tham gia các hoạt động công ích với hình thức phù hợp;

 - Tham gia các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống phù hợp được tổ chức tại địa phương;

 - Có mặt khi được yêu cầu;

 - Thực hiện nghiêm quy định về việc vắng mặt tại nơi cư trú.

 Trường hợp anh A không biết chữ hoặc không thể viết được cam kết thì có thể nhờ người khác viết hộ, người được giáo dục phải điểm chỉ vào từng trang của bản cam kết.

**Câu 23: Theo quy định của pháp luật, việc thay đổi nơi cư trú của người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được thực hiện như thế nào**

Việc thay đổi nơi cư trú của người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được thực hiện theo Điều 39 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

 1. Trường hợp người được giáo dục thay đổi nơi cư trú do đi học tập, có việc làm ổn định hoặc theo gia đình chuyển đến địa phương khác hoặc vì lý do khác thì giải quyết như sau:

 Người được giáo dục hoặc cha, mẹ hoặc người giám hộ của người được giáo dục là người dưới 16 tuổi gửi đơn đề nghị đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Đơn đề nghị phải ghi rõ lý do, nơi đến cư trú và phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức được giao giáo dục, quản lý người được giáo dục. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định chuyển việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người được giáo dục đến nơi cư trú mới trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.

 2. Giải quyết trường hợp xác định được nơi cư trú của người được giáo dục không có nơi cư trú ổn định như sau:

 - Đối với người chưa thành niên được giáo dục tại cơ sở bảo trợ xã hội, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở bảo trợ xã hội đóng trụ sở xem xét, quyết định chuyển việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người được giáo dục về nơi cư trú của họ;

 - Đối với người từ đủ 18 tuổi trở lên, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ra quyết định áp dụng biện pháp xem xét, quyết định chuyển việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người được giáo dục về nơi cư trú của họ.

 Trường hợp người được giáo dục thay đổi nơi cư trú theo quy định thì hồ sơ về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn của họ phải được chuyển đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được giáo dục đến cư trú. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được giáo dục đến cư trú có trách nhiệm tiếp nhận và phân công người trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục. Khi thay đổi nơi cư trú, người được giáo dục phải thực hiện quy định của pháp luật về cư trú.

**Câu 24: Theo quy định của pháp luật, người được phân công giúp đỡ người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có những quyền và nghĩa vụ nào?**

1. Người được phân công giúp đỡ có các quyền sau: (Khoản 1 Điều 35 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP)

 - Gặp gỡ người được giáo dục, cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên và những người có liên quan để động viên, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, khó khăn của người được giáo dục để tìm biện pháp giúp đỡ;

 - Yêu cầu người được giáo dục thực hiện việc báo cáo với người được phân công giúp đỡ về tình hình học tập, lao động, rèn luyện, tu dưỡng, kết quả sửa chữa sai phạm và tiến bộ của mình;

 - Đề xuất với tổ chức được giao giáo dục, quản lý, Ủy ban nhân dân cấp xã tạo điều kiện thuận lợi để giáo dục, quản lý người được giáo dục;

 - Đề nghị các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tạo điều kiện cho người được giáo dục tham gia học tập, tìm kiếm việc làm, ổn định cuộc sống;

 - Tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức, kinh nghiệm giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục;

 - Nhận kinh phí hỗ trợ dành cho người được phân công giúp đỡ.

 2. Người được phân công giúp đỡ có các nghĩa vụ sau: (Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP)

 - Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục, quản lý, giúp đỡ người được giáo dục;

 - Phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan khác và gia đình của người được giáo dục trong việc giáo dục, quản lý đối tượng và giúp đỡ họ trở thành người có ích cho xã hội.

 Phối hợp chặt chẽ với gia đình, nhà trường, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoặc Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh để tạo điều kiện cho người chưa thành niên được giáo dục tham gia sinh hoạt câu lạc bộ, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, lao động, thể dục thể thao và các hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh khác;

 - Giúp đỡ, động viên người được giáo dục; hỗ trợ, giới thiệu người được giáo dục tham gia các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống phù hợp được tổ chức tại địa phương; hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý theo quy định;

 - Hướng dẫn thực hiện quyền, nghĩa vụ của người được giáo dục;

 - Đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tạo điều kiện cho họ tham gia học tập, tìm kiếm việc làm;

 - Ghi sổ theo dõi và định kỳ hằng tháng báo cáo tổ chức được giao giáo dục, quản lý;

 - Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc thực hiện quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

**Câu 25: Do hành vi trộm cắp nhưng do chưa đủ 18 tuổi nên Anh C bị Tòa án tuyên phải chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trân. Vậy theo quy định của pháp luật trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, anh C có các quyền và nghĩa vụ gì?**

Trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, anh C sẽ có quyền sau: (khoản 1 Điều 36 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP)

 - Được lao động, học tập, sinh hoạt tại nơi cư trú, được hướng dẫn thực hiện thủ tục khai báo tạm vắng, đăng ký thường trú, tạm trú;

 - Được tạo điều kiện tìm việc làm; được xem xét hỗ trợ cho vay vốn từ các ngân hàng chính sách xã hội, các quỹ xã hội, quỹ từ thiện, nhân đạo ở địa phương trong trường hợp là người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;

 - Được tham gia các chương trình học tập hoặc dạy nghề; các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống phù hợp được tổ chức tại địa phương;

 - Được đề đạt nguyện vọng, kiến nghị của mình đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng Công an cấp xã, tổ chức xã hội, nhà trường và người được phân công giúp đỡ;

 - Được vắng mặt tại nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú theo quy định;

 - Khiếu nại, khởi kiện quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và các hành vi hành chính khác trong quá trình chấp hành quyết định.

 Anh C sẽ có nghĩa vụ sau: (khoản 2 Điều 36 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP)

 - Chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước;

 - Tích cực tham gia lao động, học tập, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, nội quy, quy định của địa phương nơi cư trú;

 - Chịu sự giáo dục, quản lý của cơ quan và tổ chức xã hội và người được phân công giúp đỡ; người chưa thành niên được giáo dục còn nhận sự giáo dục, quản lý của gia đình và nhà trường;

 - Thực hiện nghiêm nội dung đã cam kết;

 - Có mặt khi người có thẩm quyền yêu cầu;

 - Thông báo, báo cáo về lý do, thời gian vắng mặt tại nơi cư trú và nơi đến lưu trú trong trường hợp được vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định.

**Câu 26. Theo quy định của pháp luật, các cơ sở bảo trợ xã hội có trách nhiệm gì trong việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn?**

Trong áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, các cơ sở bảo trợ xã hội có trách nhiệm sau: (Điều 37 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP)

 1. Tiếp nhận người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định trong thời gian lập hồ sơ đề nghị và sau khi có quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

 2. Cử đại diện tham gia cuộc họp tư vấn xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

 3. Phân công cán bộ trực tiếp giúp đỡ người chưa thành niên được giáo dục.

 4. Tạo điều kiện cho người chưa thành niên được đi học, tham gia các chương trình học tập hoặc dạy nghề, các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống phù hợp được tổ chức tại địa phương.

 5. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tại cộng đồng trong việc giáo dục, quản lý người chưa thành niên.

 6. Tổ chức quản lý người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định phù hợp với tình hình thực tiễn của cơ sở.